

VĂN MINH NHÂN LOẠI

NGUYỄN HIẾN LÊ
Nhà giáo



họ

Khổng



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VĂN MINH NHÂN LOẠI

NGUYỄN HIẾN LÊ

NHÀ GIÁO
HỌ KHỔNG



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Giúp bạn đọc tìm hiểu và học hỏi về *Văn minh nhân loại*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn *Nhà giáo họ Khổng* của soạn giả Nguyễn Hiến Lê.

Khổng tử không phải là một giáo chủ, cũng không có ý thành lập một triết thuyết, cũng không tự nhận là một hiền nhân, chỉ suốt đời "dạy người không biết mới", mà gây được một ảnh hưởng rộng hơn, bền hơn tất cả các triết gia khác, đứng ngang hàng với tất cả các vị giáo chủ lớn nhất của nhân loại. Hiện tượng lạ lùng đó do đâu? Khổng tử đã có công gì với phương Đông chúng ta, đã đổi mới như thế nào về giáo dục? Ông dạy những gì, đào tạo một hạng người ra sao, thương yêu môn đồ ra sao mà khi ông mất họ đều để tang ông ba năm và có người ở lại giữ mộ cho ông thêm ba năm nữa? Hơn 2000 năm sau, ông vẫn được gọi là vị "vạn thế sư biểu".

Xem *Nhà giáo họ Khổng*, bạn đọc sẽ cảm nhận được nhiều điều thâm thúy về tính nhân hậu, lòng tin và tình thương yêu

của một người thầy đối với học trò. Khổng tử dạy học không giống với những người thời trước và sau ông. Ông chủ trương bình dân hóa giáo dục - tức là dạy bất kỳ ai, không phân biệt kẻ giàu người nghèo và chính trị hóa giáo dục - tức là đào tạo người có đức hạnh, trí óc sáng suốt, có liêm sỉ để cứu đời, cải tạo xã hội.

Chúng ta tham khảo, tìm hiểu triết học, văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ và của các dân tộc phương Đông, để nghiên cứu, nhận thức nghiêm túc văn hóa và bản sắc của dân tộc Việt Nam đã hình thành và phát triển trải qua 4000 năm lịch sử, đã chọn lọc, tiếp nhận tinh hoa văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau, đặc biệt là các dân tộc láng giềng, nhằm bảo vệ, khẳng định và phát huy di sản, truyền thống của cha ông để lại, một nhiệm vụ trọng đại bức thiết hiện nay của chúng ta trên bước đường đổi mới, "mở cửa".

Ngày 28.3.92 vừa qua, Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã có một nghị quyết lớn về công tác lý luận hiện nay, số 01/NQ-TW. Nghị quyết có viết :

"... Trong nhiều năm qua, nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mác Lê nin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp nhận

những thành tựu khoa học của thế giới. Hậu quả là số đông cán bộ lý luận thiếu hiểu biết rộng rãi về kho tàng tri thức của loài người, do đó khả năng phát triển bị hạn chế.

"... Nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời chú trọng nghiên cứu những tinh hoa trí tuệ của dân tộc.

" Đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng.

"... Nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa phát huy bản sắc dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, những vấn đề phát huy nhân tố con người, về đạo đức, lối sống, tư tưởng, nghệ thuật, tôn giáo, dân tộc ... trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở rộng giao lưu quốc tế.

"... Đảng phát huy tự do tư tưởng, tạo mọi điều kiện cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và các mặt công tác trên lĩnh vực lý luận ..."

Tại hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của Bộ chính trị về công tác lý luận do Ban Bí thư triệu tập, Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị, đã trình bày bản báo cáo đề dẫn, có phát biểu:

"...Với những học thuyết xã hội ngoài chủ nghĩa Mác - Lênin, lâu nay thái độ chúng ta có chỗ không đúng - mang tinh thần biệt phái, không đọc, không nghiên cứu, phủ nhận tất cả, cho dù trong đó có thể có những nhân tố hợp lý, những giá trị chung toàn nhân loại. Những yếu tố ấy nếu biết gạn lọc, biết hấp thụ một cách có phê phán sẽ làm giàu thêm bản thân chủ nghĩa Mác và chính như vậy mới đúng tinh thần và thực chất học thuyết của chúng ta. Chủ nghĩa Mác không nằm ngoài bên lề, mà phát triển chính giữa dòng lịch sử tư tưởng của loài người, nó là kết tinh tất cả những tinh hoa tư tưởng đó" (Báo Nhân dân 5.6.92).

Để bạn đọc có thêm tư liệu kết hợp nghiên cứu về Khổng tử và Nho giáo, chúng tôi giới thiệu tiếp theo đây ý kiến của giáo sư Trần Văn Giàu trả lời phỏng vấn của Tuần báo Văn Nghệ (Hội Nhà Văn Việt Nam) đăng trên số 13 ra ngày 28-3-1992:

VIỆT NAM SẼ CẮT CÁNH (PHÒNG VẤN GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU)

LTS. Chúng ta đều biết rõ tên tuổi giáo sư Trần Văn Giàu người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn và Nam Bộ 1945, Bí thư Xứ ủy và Chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ, nhà nghiên cứu, người thầy của nhiều thế hệ học giả, người đã viết nhiều bài phê bình văn học, ở tuổi ngoài tám mươi, giáo sư vẫn là nhà nghiên cứu làm việc hết mình và là nhà hoạt động xã hội đầy nhiệt huyết. Tết năm nay, giáo sư chỉ buông bút trên một công trình mới khi pháo nổ giao thừa. Giáo sư vừa đi khảo sát và dự hội nghị khoa học về Nho giáo ở Yokohama (Hoành Tân), Nhật Bản, thăm Nam Triều Tiên và Đài Loan. Nhân dịp này, chúng tôi đã phỏng vấn giáo sư Trần Văn Giàu. Với nụ cười hồn nhiên, giáo sư đã trò chuyện cùng bạn đọc báo Văn Nghệ :

P.V: Xin giáo sư cho biết một vài nét về cuộc hội thảo Yokohama ?

GS.TVG: Hội thảo Yokohama là một hội thảo quốc tế của các nước văn hóa chữ Hán. Đây là lần đầu tiên đoàn Việt Nam tham dự hội thảo. Dự hội thảo có đại biểu Nhật, Nam Triều Tiên, Trung Quốc, Đài Loan và các nhà Hán học châu Âu. Ông bà mình ngày trước nói "đồng văn", tôi thấy nó có ý nghĩa chứ không tầm thường. Từ hàng ngàn năm nay, ta đọc chung những tác phẩm cổ điển hay nhất, về giáo dục, về tinh thần, trí tuệ có sự đồng nhất, cho nên tâm trí dễ đồng nhịp, và rất dễ hiểu nhau. Cho nên chữ "đồng văn" có ý nghĩa. Đây cũng là một tập hợp theo địa lý mà ta nay độc lập rồi, trong vấn đề "đồng văn" ta không sợ thiệt thòi. Nó có tương lai, bởi vì sớm muộn Đông phương, châu Á cũng thành một khối, lâm thời nước này nước kia đóng vai trò, nhưng trong tình hình các nước độc lập và thế giới chia thành nhiều cực, thì một hai nước chiếm bá quyền là rất khó. Việt Nam là một nước thuộc về Đông Nam Á, lại là một nước "đồng văn" với các nước văn hóa chữ Hán, vậy nó là một cái cầu, một lợi thế.

PV. Xin giáo sư giới thiệu một vài nét chính về báo cáo mà giáo sư đã trình bày ở hội thảo ?

GS.TVG. Ở ta, trong một nghìn năm Bắc thuộc, vấn đề chính là vấn đề học chữ Hán chứ không phải là vấn đề Nho giáo. Là một điều là trong suốt thời gian đó Việt Nam biết chữ Hán nhiều mà Nho giáo không thành, ở đây có thể có yếu tố dân tộc, vì Nho giáo lúc đó là do thống trị Hán Đường đưa vào. Ngô, Đinh, Lê là Phật giáo. Đến thời kỳ thành một nước quân chủ thống nhất tập trung thì có nhu cầu Hán học với nội dung Nho giáo. Nên thời Lý mới lập Văn miếu, mở khoa thi, phát triển qua Trần, đến Lê (thế kỷ XV) trở đi thì thành chính thống, trở thành Nhà nước. Việt Nam thu nhận Nho giáo do nhu cầu của độc lập, quân chủ tập trung, chủ yếu do Nho giáo có thành tích tức là Việt Nam tiếp tục Nho giáo trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước. Nhưng cái học của nó theo lối từ chương, khoa bảng và nó học nhiều ở khía cạnh bảo thủ .

Tôi tán thành ý kiến là Nho giáo bổ sung cho cái hiểu của chủ nghĩa Mác. Nho giáo nói về người chứ không nói về trời (mặc dù nó có nói mệnh trời), nói về sống chứ không nói về chết; nội cái đó giúp tôi hiểu chủ nghĩa Mác dễ dàng hơn. Nếu tôi là Hồi giáo hay Thiên Chúa giáo thì có lẽ tôi đến với chủ nghĩa Mác khó hơn.

Trong Nho giáo nguyên thủy có nhiều yếu tố của sự bình đẳng và công bằng hơn là về sau, Mạnh tử trở về trước có nhân tố dân chủ, lễ ký với đại đồng. Bài dịch Quốc tế ca đầu tiên dịch International là đại đồng.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo Nho chủ yếu là đạo đức học. Đối với Nho giáo, cái nhân đạo là cái số một. Theo Nho giáo, con người là quyết định nhất. Cái lớn nhất của chủ nghĩa Mác là vấn đề cứu vớt con người bị tha hóa bởi xã hội tư bản. Cho nên chữ nhân của Khổng tử rất dễ gặp gỡ chủ nghĩa nhân đạo của chủ nghĩa Mác.

Đề tu thân, đề đề xứng đạo làm người, Nho giáo hệ thống hóa hơn tất cả các triết thuyết khác, quả thật không có một hệ thống nào hơn. Mọi việc tóm gọn trong mấy chữ. Theo Chu Tử đạo Khổng là *luân thường*; đã thấu tóm một cách tuyệt diệu. Dĩ nhiên chữ *nhân* vẫn là bao trùm.

Ở Việt Nam học Nho có vấn đề này vấn đề kia, nhưng bên cạnh chủ nghĩa nhân ái truyền thống, Việt Nam lấy chữ *nghĩa* làm quan trọng, mà *đại nghĩa* tức là yêu nước.

Chúng tôi là học trò của cụ Hồ. Chúng tôi thấy rõ nhiều cái bất cập của Nho giáo. Cụ Hồ không phê phán Nho. Cụ chỉ lấy cái hay của Nho, chúng tôi là học trò chúng tôi thấy cái mặt trái, mặt dở của Nho giáo.

PV. Thưa giáo sư, phản ứng của hội thảo trước các ý kiến của báo cáo ?

GS.TVG. Họ hoan nghênh, họ hỏi, họ quan tâm. Họ thú vị thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh không chống ông Khổng, mà nhiều khi hoan nghênh ông.

PV. Họ có biết Chủ tịch Hồ chí Minh là một nhà Hán học, một nhà thơ viết bằng chữ Hán không ?

GS.TVG. Họ biết tất cả.

PV. Để bảo vệ và phát triển văn hóa dân tộc -"quốc học" của nước ta, cần thiết phải vận dụng tinh hoa của Nho giáo, đặc biệt là "đạo làm người", "tu thân" của Nho giáo một cách hiện đại. Tấm gương của sự vận dụng này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi Người đề ra "cần kiệm liêm chính", những phạm trù đạo đức phổ quát của nhân loại đồng thời có ý nghĩa thực hành. Theo ý giáo sư hiện

nay, Nhà nước đặc biệt là ngành văn hóa, giáo dục ... cần phải làm gì để gia cố cho nền quốc học ?

GS.TVG. Nho giáo từ trước cho tới Lê, Nguyễn học Nho mà không chú ý đầy đủ tới quốc học. Tới thời Nguyễn, Tự Đức có nói mình ít chú ý tới quốc học, và chính Tự Đức có chú ý vấn đề này: triều Nguyễn làm sử, làm văn dân tộc nhiều hơn rất nhiều các triều đại trước.

Trước khi đi Tây, Cụ Hồ thông Nho giáo mà thông cả quốc học, bằng cứ là thôi học từ 1911 mà khi về Việt Bắc viết lịch sử Việt Nam, rất thông thạo phương ngôn tục ngữ, hát dặm, tuồng chèo ... của mình. Đó là một nhà Nho có quốc học. Chính cái đó làm cho Cụ Hồ ra ngoại quốc lâu mà vẫn giữ được *bản sắc* dân tộc, ra ngoài mà không bị Tây hóa, đó là nhờ *quốc học*, và *Nho giáo* vậy.

Theo tôi hiện nay chúng ta đặt vấn đề đạo đức chưa đúng mức. Cả chủ nghĩa Mác - Lênin, đặt vấn đề chính trị, kinh tế rất sắc sảo nhưng đặt vấn đề xây dựng con người, đạo đức con người chưa đủ tầm. Đường như ở đây có một sự khập khiễng. Có tổ chức gia đình tốt nó mới đương đầu nổi sóng gió. Trong gia đình, bằng cách giáo dục nào đó, mình cố thủ mà thành công. Chủ nghĩa Mác

nói chính trị, quyền lợi, lập trường, đấu tranh. Cụ Hồ tiếp thu tất cả những cái đó, nhưng trong tất cả các lãnh tụ, Cụ chú trọng hơn hết vấn đề đạo đức. Trong *Đường Cách mệnh*, trang bìa Cụ nói 13 đạo lý làm người. Chúng ta phải trở về với những nguyên tắc này của Cụ Hồ, khi mà nhiều người cộng sản Việt Nam mất phương hướng của Cụ Hồ.

PV. Xin giáo sư cho biết về công trình nghiên cứu "Sự thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin - tư tưởng Hồ Chí Minh" mà giáo sư đang viết .

GS.TVG. Đây là một bộ sách về tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX. Tôi đang viết cuốn thứ ba: gồm hai quyển, quyển 1 từ 1920-1945, khoảng 400 trang, sẽ hoàn thành vào tháng 5 năm nay.

Tôi muốn nói rằng sự thành công của cách mạng và kháng chiến là nhờ chúng ta theo chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng nếu chỉ theo Mác - Lênin mà không có tư tưởng Hồ Chí Minh thì không thể hiểu và áp dụng một cách thành công chủ nghĩa Mác-Lênin ở một xứ như xứ ta. Tôi nghĩ rằng, ít nhất trong thế giới các dân tộc thuộc địa, Hồ Chí Minh là người đầu tiên hiểu được đầy đủ khả năng, tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa. Cụ Hồ đã

có đóng góp lớn cho chủ nghĩa Mác - Lênin. Cụ Hồ đã làm đầy đủ hơn chủ nghĩa Mác - Lênin. Kháng chiến và cách mạng Việt Nam làm sụp đổ cả hệ thống thuộc địa, đó là một trong vài ba biến cố lớn nhất của thế kỷ XX.

Chắc Cụ Hồ còn sống, Cụ sẽ phản đối cái *titre* cuốn sách của tôi, vì ông Cụ rất khiêm tốn. Ông Cụ khiêm tốn là phải, còn tôi là học trò, đánh giá đúng Cụ Hồ trong lịch sử là nhiệm vụ của một nhà làm sử.

P.V. Xin hỏi giáo sư câu cuối cùng. Sau khi khảo sát một số nước Đông Á, giáo sư cho rằng ta có thể áp dụng những kinh nghiệm gì của họ vào công cuộc đổi mới của ta ?

Giáo sư có tin rằng nước ta, khi đã khắc phục được khủng hoảng, cũng có thể vươn mình lên và trở thành một "con rồng"?

GS.TV.G. Qua Nhật, thấy họ phát triển cao quá, tôi chú ý nhiều đến Nam Triều Tiên và Đài Loan là những nước mới phát triển. Đó là những nước cũng vốn là thuộc địa, phát triển từ một trình độ thấp, nên nó đặt cho tôi nhiều vấn đề, nhiều hy vọng.

Nhiều vấn đề là làm sao từ một nước nông nghiệp chuyển nhanh thành một nước công nghiệp, làm sao từ một nước nhỏ,

phát triển thành nước mà người ta gọi là "con rồng". Có những bài học hết sức cụ thể mà tôi tìm cách hiểu. Tôi thấy Việt Nam phải "chơi" rất gán bó, chơi thành thật và gán bó với Nam Triều Tiên và Đài Loan càng nhiều càng hay, bởi vì họ cũng có những cái tựa tựa như ta, và lại họ là nước nhỏ, nhỏ hơn mình, nên không ngại gì. Ở phương Đông ta vừa chơi với Đông Nam Á, vừa chơi với các nước Đông Á, các nước tạm gọi là "Hán học" - đồng văn - và mình trở thành khâu chính của hai khối đó.

Vấn đề chính là phải biết *quản lý*. Thiếu sót lớn nhất là không biết quản lý. Nam Triều Tiên lúc đầu nhờ vào viện trợ Mỹ, quãng vài tỷ đôla, họ vay tiền lãi suất làm ra, trả nợ rồi giàu có. Nói một cách khác, họ biết "mượn đầu heo nấu cháo", biết tạo vốn, làm ăn, quản lý giỏi. Ta phải tỉnh ngộ vấn đề quản lý. Kiên trì học tập người ta, học chủ nghĩa tư bản không có vấn đề gì ngần ngại.

Có ba yếu tố cho phép tôi tin tưởng Việt Nam sẽ là "con rồng", một "con rồng" lớn là khác.

1) Ta có dân đông hơn mà dân ta trí không tời, lao động giỏi, khéo tay.

2) Tài nguyên của ta giàu lắm, ta còn chưa biết hết chứ còn nhiều lắm.

. 3) Quan trọng nhất là *chất xám* Việt Nam, trí tuệ Việt Nam. Ở nước ngoài, kể cả ở Mỹ, người ta công nhận trí tuệ Việt Nam. Bây giờ trí thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, mình có trí thức và biết đào tạo, mở đường cho nó, thì cộng với tài nguyên, với nhân công, ta có thể lên mau. Vốn chủ yếu là trong con người, trong trí tuệ Việt Nam; trong dầu mỏ, tài nguyên ... nếu thiếu vốn có thể đi vay mà làm lái.

Đại nghĩa của Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước của Việt Nam đã làm nên nhiều việc vĩ đại. Việt Nam sẽ bay lên*, sẽ cất cánh.

Ngọc Tỉnh
thực hiện

(Tuần báo Văn Nghệ số 13-28/3/92 Hội Nhà Văn VN)

NHÀ XUẤT BẢN TP HỒ CHÍ MINH

* Giáo sư Trần Văn Giàu dùng chữ *envoler* (bay đi, bay lên) danh từ *envol* có nghĩa bay đi, cất cánh (máy bay)

Lời thưa trước

Trong tập này tôi không xét triết lý cùng tư tưởng chính trị của Khổng tử, chỉ tìm hiểu nhà giáo mà đời sau tôn là "vạn thế sư biểu": công của ông với nền giáo dục cổ Trung Hoa, các cá nhân mạng của ông về giáo dục, mục đích ông dạy học, cách ông dạy, tình ông đối với môn đồ, ảnh hưởng của ông ra sao tới hậu thế.

Hầu hết tài liệu tôi dùng đều lấy trong Luận ngữ và đều ghi xuất xứ: chương (có sách gọi là thiên) nào, bài (có sách gọi là tiết) mấy. Tôi bỏ lối chia thành mười quyển như các bản in cổ, vì thấy cách đó rườm. Chỗ nào không ghi xuất xứ là do tôi nhớ phỏng mà chép lại.

Văn Luận ngữ rất cô đọng, một số bài đã được giải thích nhiều cách trái ngược nhau. Cách tôi hiểu đôi khi không hợp với cách chính thống của Chu Hi. Có bài tôi dịch trọn, có bài tôi chỉ tóm tắt. Từ cái không khí trong trường học họ Khổng, tôi căn cứ

vào Luận ngữ, nhưng thỉnh thoảng tưởng tượng thêm một chút, độc giả tất nhận ra được những chỗ đó.

Cuối tập tôi thêm một phụ lục thu thập tất cả những bài rải rác trong Luận ngữ nói về việc học.

Sài gòn, ngày 1-6-1972

NGUYỄN HIẾN LÊ

Chương 1

KHÔNG TỬ LÀ MỘT NHÀ GIÁO TRƯỚC HẾT

LÃO GIÁO mới đầu chỉ là một triết lí sau thành một tôn giáo mang tên là Đạo giáo, từ đời Đường mỗi ngày mỗi suy. Mặc giáo, trái lại, hồi đầu có nhiều màu sắc tín ngưỡng (thờ Trời, thờ quỉ thần), có một tổ chức chặt chẽ gần như một tôn giáo, nhưng sau trở lại thành một triết lí thuần túy, tức phái Biệt Mặc, rất chú trọng tới tri thức luận, mà Hồ Thích gọi là phái khoa học. Chỉ duy có Khổng giáo trước sau vẫn hoàn toàn là một triết lí, không đời nào biến thành một tôn giáo mà ảnh hưởng lớn hơn, bền hơn Lão giáo và Mặc giáo, ngang hàng với những tôn giáo lớn nhất thế giới như Phật giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo ...Điểm đó thật đặc biệt.

Khổng tử không phải là một giáo chủ như Ki-tô, Môhamet. Ông cũng tin có Trời như hai nhà đó, ông cũng sợ Trời nữa, nhưng cái mà ông gọi là "mệnh Trời" cơ hồ chỉ là những luật thiên nhiên. Và có điều này chắc chắn là theo ông, Trời không bao giờ "khải thị" gì cho loài người cả: "Trời có nói gì đâu ? Bốn mùa thay đổi mà trăm vật sinh sinh hóa hóa. Trời có nói gì đâu ?" (Dương hóa-18).

Đối với quỷ thần, ông có thái độ "kính nhi viễn chi" (Ungdã-20). Mà ông cũng không tin ở sự cầu nguyện. Có lần ông đau nặng, một môn sinh là Tử Lộ xin ông làm lễ cầu đảo. Ông đáp : "Ta cầu đảo đã lâu rồi." (Thuật nhi-34). Nghĩa là ông ăn ở phải đạo thì không cần cầu nguyện; mà kẻ nào có tội lỗi thì dù cầu nguyện, Trời cũng không nghe (Hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã. Bát dật -13).

Ngay từ hồi trẻ ông đã bỏ ra cả chục năm khảo cứu về các tế lễ đời trước; ông luôn luôn có thái độ rất thành kính trong các cuộc tế lễ-"tế thần thì tưởng tượng như thần ở trước mặt mình"-nhưng ông theo đúng sách Lễ kí (thiên Khúc lễ hạ) : "Thiên tử tế trời đất, tế bốn phương, tế ngũ tự-tức thần cửa, ngõ, giếng, bếp và ở giữa nhà;chư hầu tế phương mình ở, tế ngũ tự; quan đại phu

tế ngũ tự, kẻ sĩ tế tổ tiên". Vậy thì ta có thể tin rằng trừ mấy năm chấp chính, trong nhà ông chỉ có bàn thờ tổ tiên; mà sự thờ cúng tổ tiên chỉ có ý nghĩa nhớ công ơn ông bà cha mẹ, cũng như sự kỉ niệm danh nhân, không thể gọi là một tôn giáo được. Sự thờ phụng ông các đời sau ở văn miếu (tỉnh), văn chỉ (phủ huyện), từ chỉ (làng) cũng không phải là một tôn giáo vì chỉ các vị khoa bảng mới được lại để tế lễ, kỉ niệm một danh nhân, nhớ công một ông tổ vậy thôi.

Ngày nay chúng ta gọi ông là một triết gia. Thời ông, không có danh từ đó, quan niệm đó, chỉ có một quan niệm tựa tựa quan niệm "triết nhân" của chúng ta thôi, tức quan niệm "hiền nhân", hoặc "nhân nhân"; nhưng chính ông không khi nào tự nhận là một "hiền nhân" cả. Ông không có thái độ "duy ngã độc tôn" của một số giáo chủ, hoặc thái độ "chỉ ta mới nắm được chân lí" như một số triết gia. Tôi chưa thấy ai khiêm tốn như ông. Ông bảo : "Trong một xóm mười nhà, tất có người trung tín như Khâu, nhưng không ai ham học như Khâu này đâu. " (Công Dã Tràng-27).

Ông đã lưu lại một nhân sinh quan cao thượng dựa trên năm đức căn bản : nhân (gồm cả trung, thứ), nghĩa (gồm cả dũng), lễ,

trí, tín; một chính trị quan lí tưởng, nhân bản : phải tu thân rồi mới trị quốc, người trên phải làm gương cho người dưới, lo cho dân đủ ăn , dạy cho dân và làm cho dân tin cậy mình. Vậy ông đáng là một triết gia lớn của nhân loại. Nhưng lại nhũn nhặn bảo: "Ta chỉ ghi chép lại đạo lí, tài liệu đời trước thôi, chẳng lập ra một thuyết gì mới cả." (Thuật nhi-1).

Thậm chí ông từ chối cả danh hiệu quân tử nữa. Ông bảo Tử Cống : "Đạo quân tử có ba điều mà ta không làm được một : có đức nhân mà không lo lắng ; có đức trí mà không lằm lạp ; có đức dũng mà không sợ sệt." (Hiến vấn-30).

Trước sau ông vẫn muốn làm chính trị để cứu đời, nhưng ông lại thất bại. Không kể hồi mười chín, hai mươi tuổi, làm một chức rất tầm thường là coi việc gặt thóc ở kho, nuôi dê bò để cúng tế, trong cuộc đời bảy mươi hai năm, ông chỉ được cầm quyền ở Lỗ có sáu năm (502-496) hồi đã ngũ tuần, từ chức trung đô tế (như phủ doãn kinh thành) lên chức đại tư khấu (như thượng thư bộ hình), sau cùng được quyền nhiếp chính trị (như tế tướng). Sau đó là một thời kỳ trôi giạt non mười lăm năm, qua Vệ, Trần, Thái, Sở... không được vua chư hầu nào dùng: sáu mươi tám tuổi trở về Lỗ, năm năm trước khi chết.

Trong sáu năm cầm quyền ở Lỗ, dĩ nhiên ông không thể chuyên dạy học được, nhưng môn đệ vẫn đi theo ông, sống với ông và được ông chỉ bảo. Vậy ta có thể nói rằng ông dạy học hơn nửa thế kỷ, từ hồi hai mươi tuổi (hai môn đệ đầu tiên theo ông học lẽ là Hà Kị và Nam Cung Quát, con một ông quan nước Lỗ : Trọng Tôn Cồ). Chính ông cũng tự nhận là một người "học không biết chán, dạy người không biết mỏi" nghĩa là một nhà giáo tận tụy, vừa dạy học, vừa học thêm ; và sự nghiệp ông lưu lại đời sau phần lớn là do công dạy học đó, nên người sau mới tặng ông cái danh hiệu "vạn thế sư biểu".

Chương 2

CÁCH MẠNG GIÁO DỤC

KHỔNG TỬ đã làm hai cuộc cách mạng về giáo dục:

1.- *Bình dân hóa giáo dục.* Trước ông, theo chương *Học kí* trong sách *Lễ kí*, thì trong mỗi xóm hai mươi lăm nhà có một trường học gọi là "thục"; trong mỗi thị trấn gồm năm trăm nhà, có một trường học cao hơn gọi là "tường"; trong mỗi châu gồm hai ngàn rưỡi nhà, có một trường cao hơn nữa gọi là "tự"; sau cùng tại kinh đô mỗi nước có một trường cao hơn cả gọi là "học". Ta có thể đoán rằng tổ chức đó khó áp dụng được đúng, và những trường đó là trường công, nhà giáo là những quan do triều đình bổ nhiệm (có thể cha truyền con nối), mà học sinh đại đa số là con những gia đình quý tộc. Thời Khổng tử, có thể có một số nhà

giáo dạy tư, nhưng trong lịch sử, trước thế kỷ thứ sáu trước T.L, không thấy chép có một trường nào thu nhận thanh niên mọi giới, và Khổng tử là người đầu tiên dám mở một trường như vậy mà thành công.

Ông tuyên bố : "*Hữu giáo vô loại*" (Vệ Linh Công-38). Câu này Chu Hi giải thích là "dù người thiện hay kẻ ác thì cũng dạy, chứ không phân biệt" vì lẽ tính người vốn thiện, kẻ kia hóa ác là do tập nhiễm (*tính tương cận, tập tương viễn*), nay mình dạy họ thì có thể làm họ hóa ra thiện trở lại được. Nhưng các học giả ngày nay hiểu theo nghĩa khác: Không phân biệt hạng người, gia thế, ai cũng dạy hết. Nghĩa là con quý tộc hay con bình dân, Khổng tử cũng coi ngang hàng. Phải nhớ lại là xã hội phong kiến Trung Hoa hai ngàn rưỡi năm trước, mới nhận định được rõ cuộc cách mạng đó của ông; nó cũng có ý nghĩa như cuộc cách mạng của Thích Ca để san bằng các tập cấp (caste) ở Ấn.

Ông chuyên sống bằng nghề dạy tư, nên không làm ruộng để mưu sinh như các ẩn sĩ đương thời, phải trông vào sự chu cấp của môn sinh, do đó có người chê ông là "chẳng động gì tới tay chân cả, không phân biệt nổi ngũ cốc" (Vi tử-15), là hạng ăn hại "không cây bừa, không dệt mà có ăn, có mặc, khua môi, múa mỏ,

bày đặt ra chuyện phải trái để mà làm mê hoặc các vua chúa trong thiên hạ" (Trang tử-Thiên Đạo Chích). Nhưng ông không phân biệt người giàu kẻ nghèo, kẻ nào xin học, muốn dâng ông lễ gì ông cũng nhận, dù chỉ là một bó mười chiếc nem (Thuật nhi-7).

Còn cái việc không phân biệt người thiện kẻ ác thì là chuyện dĩ nhiên. Chương *Thuật nhi-28*, có kể một thanh niên ở làng Hồ Hương lại xin học, ông nhận; môn đồ có vẻ nghi kị anh ta vì làng Hồ Hương nổi tiếng là "khó dạy". Ông bảo họ: "Người ta lấy lòng trong sạch mà đến với mình thì mình vì tấm lòng đó mà thu nhận người ta; còn việc cũ của người ta ra sao, không nghĩ tới."

2.- *Chính trị hóa giáo dục.* Trước ông, trong thời ông và có lẽ cả sau ông nữa, thanh niên trong các gia đình quý tộc vào các nhà "tự", nhà "học" để học về "lục nghệ" (sáu nghề): lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (đánh xe - xe đây là chiến xa), thư (viết lách, thảo văn thư), số (tính toán) mà sau thành những quan lại của triều đình, tức một hạng mà ngày nay chúng ta gọi là kĩ thuật gia hoặc nhà chuyên môn.

Mục đích của ông khác: ông chú trọng đến sự học để cứu đời, cốt đào tạo những người có đức hạnh, trí óc sáng suốt, có liêm sỉ,

để làm chính trị, cải tạo xã hội, hơn là đào tạo những nhà chuyên môn.

Ông sinh vào một thời loạn, nhà Chu đã suy, các chư hầu không tuân lệnh thiên tử nữa, mỗi nhà hùng cứ một phương, tranh giành đất đai với nhau, chiến tranh liên miên, không năm nào không có. Họ không thêm nộp cống mặc dầu chỉ là tượng trưng (trong 242 năm, nước Lỗ chỉ triều cống có ba lần!), nhà Chu đất đai hẹp, mỗi ngày một nghèo, chỉ còn đóng vai bù nhìn. Khổng tử muốn lập lại trật tự cũ, hô hào các chư hầu phải giữ sự tôn ti, tuân lệnh người trên; nhưng cái tôn ti đó dựng trên đạo đức trước hết: người trên phải làm gương cho người dưới: "*quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử*". Có lẽ ông chưa dám hô hào bỏ đặc quyền của các quý tộc- thời ông còn sớm quá- nhưng khi đã bình dân hóa giáo dục, rồi lại coi trọng đạo đức hơn chức tước, coi trọng bổn phận hơn quyền lợi, cho chữ "quân tử" một nghĩa khác hẳn nghĩa thông dụng đương thời: người có tài đức chứ

* Như vậy mà ông không khi nào tới nước Chu thì cũng lạ thật! Có lẽ ông cho rằng thiên tử nhà Chu hoàn toàn bất lực, phải tìm một ông vua chư hầu để thay? Nếu quả vậy thì ông "cách mạng" lắm, trước Mạnh tử trên 150 năm. Mạnh tử bảo Lương Huệ Vương: "Ai không thích giết người thì thống nhất được thiên hạ", nghĩa là ai có đức nhân thì sẽ làm thiên tử, chứ không cần là hậu duệ nhà Chu.

không phải có địa vị hơn người, thì ta phải nhận rằng ông đã làm một cuộc cách mạng quan trọng, đã muốn thực hiện một thứ bình đẳng dựa trên chân giá trị của con người.

Có thể nói ông và môn đồ của ông là một đảng chính trị, ông đào tạo họ thành những cán bộ để thực hành chủ trương của ông (về điểm đó, ông mở đường cho Mặc tử sâu này); vì vậy chương trình dạy học của ông khác chương trình đương thời.

Có lẽ chương trình đó thành hình lần lần: hồi trẻ, ông dạy lễ trước hết (cho Hà Kị và Nam Cung Quát) vì ông chuyên môn về lễ, rồi ông dạy Thi, Thư nữa, về già ông mới soạn kinh Xuân Thu và cần cù nghiên cứu kinh Dịch. Tôi không chắc ông đã đem kinh Dịch ra giảng cho môn sinh; tôi cũng không biết nghĩa thứ nhì của danh từ "lục nghệ" để trở: 1 lễ, 2 nhạc, 3 thi, 4 thư, 5 Xuân Thu, 6 dịch, xuất hiện từ hồi nào; nhưng có điều chắc chắn là ông không dạy hai môn nghệ và xạ mặc dầu ông biết hai môn đó và thân phụ ông là một quan võ (Liu Wu Chi-La philosophie de Confucius-Payot-trang 13), cho nên khi Vệ Linh Công hỏi ông việc bài binh bố trận, ông đáp rằng không biết, chỉ biết sắp đặt các đồ cúng tế (trở đậu) thôi, rồi sáng hôm sau ông bỏ đi liền (Vệ Linh Công-1).

Cũng không chắc rằng ông dạy môn toán (số); nhưng ông chú trọng đến môn ăn nói (ngày nay ta gọi là môn hùng biện), tức kinh Thi, vì môn đó thời nào cũng cần cho chính trị gia; và ở thời ông, phải thuộc nhiều bài trong kinh Thi để cho lời nói thêm hoa mỹ, du dương, ứng đối lưu loát: các nhà ngoại giao thời ông thích dẫn lời trong kinh Thi lắm, cho nên ông mới nói "*bất học Thi vô dĩ ngôn*" (Quý thị-13).

Dĩ nhiên, ông không dạy các nghề như làm ruộng, đi buôn... Phàn Trì xin ông dạy nghề làm ruộng, làm vườn, ông đáp hai nghề đó ông không rành bằng một ông lão làm ruộng, một ông lão làm vườn. Khi Phàn Trì bước ra rồi, ông chê chí khí của Phàn Trì nhỏ nhen (Tử Lộ-4). Ông muốn lập lại trật tự của xã hội, khiến cho vua chúa biết trọng lễ nghĩa để cho dân tin, phục, thì học nghề cấy cấy làm quái gì.

Ông tin rằng con dân một nước mà hiếu để thì nước đó sẽ có trật tự, bình trị, cho nên ông dạy cho môn sinh trước hết phải hiếu để, tập tính cẩn thận và thành thực, thương yêu mọi người, gần gũi các người nhân đức, rồi có dư sức mới học văn, tức thi, thư, lễ, nhạc (Học nhi-6).

Chương *Thuật nhi-6*, ông lại khuyên: để tâm chí vào đạo lý, cố giữ gìn đức hạnh, theo điều nhân, còn việc học lục nghệ là điều phụ.

Ông là người đầu tiên mà có lẽ cũng duy nhất chủ trương phải tu nhân rồi mới trị gia, tề quốc; như vậy phải có đạo đức đã rồi mới làm chính trị được; cho nên ông bắt môn đệ phải tự xét mình, làm chủ được mình: "Người quân tử có chín mối xét nét: 1-khi trông phải cố ý trông cho rõ, 2-khi nghe phải lắng tai nghe cho rõ^{*}, 3-sắc diện phải giữ cho ôn hòa, 4-dung mạo phải khiêm cung, 5-nói điều gì phải trung thực, 6-làm việc gì thì phải kính cẩn, 7-có điều nghi hoặc thì phải hỏi han, tìm hiểu, 8-khi giận dữ thì phải nghĩ đến hậu quả tai hại sẽ xảy ra, 9-thấy mối lợi thì phải nghĩ đến điều nghĩa." (Quí thị-10).

Tuy nhiên ông cũng trọng trí dục ngang với đức dục; ba đức căn bản của Khổng giáo: nhân, trí, dũng, y hệt ba đức căn bản của Phật giáo: bi, trí, dũng. Một hôm ông hỏi Tử Lộ:

* Rõ ở bài này có nghĩa là phân biệt được phải trái.

-Do (tên của Tử Lộ) này, anh có nghe sáu đức tốt bị sáu cái hại che lấp không?

Tử Lộ đáp:

-Thưa thầy, chưa.

-Ngồi xuống đây, thầy dạy cho. Người ham điều nhân mà không chịu học hỏi thì bị cái hại là ngu muội; người ham đức trí mà không chịu học hỏi thì bị cái hại là phóng dăng; người trọng đức tín mà không chịu học hỏi thì bị tổn hại (nghĩa là bị lừa gạt); người ưa sự ngay thẳng mà không chịu học hỏi thì hóa ra nóng nảy; người ưa dũng cảm mà không chịu học hỏi thì hóa ra phản loạn; người thích cương quyết mà không chịu học hỏi thì hóa ra cường bạo." (Dương Hóa-8).

Và ông rất trọng thực tế, không bàn chuyện chết rồi sẽ ra sao, không xét về phần siêu hình chẳng hạn như bản tính con người, cùng đạo Trời (Công Dã Tràng-12), mạng Trời (Tử hân-1).

Ông cốt đào tạo một hạng nhân tài có đức hạnh để họ giúp nước, mà thời đó kẻ sĩ chỉ có mỗi một cách giúp nước là làm quan; nhưng ông rất ghét bọn làm quan chỉ để hưởng lộc, lúc quốc gia thịnh trị, chẳng giúp dân được gì, chỉ ngồi đó hưởng lộc, lúc quốc

gia loạn lạc thì nắng chiều nào che chiều nấy, cũng để hưởng lộc nữa; ông gọi họ là bọn vô liêm sỉ (Hiến vấn-1); và có lần ông phàn nàn rằng không dễ gì thấy được một người học ba năm mà không muốn cầu bổng lộc.

Nhưng ta nên ghi nhận thêm điều này :

Tuy ông bôn ba gần suốt cuộc đời để cứu vãn xã hội, ra công đào tạo một số môn sinh cho thành những chính trị gia có tài đức; nhưng cơ hồ như lí tưởng tối cao, tối hậu của ông không phải ở đó.

Một lần (Tiên tiến-25):

"Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu và Công Tây Hoa ngồi hầu ông. Ông bảo:

- Các anh cho rằng ta có chỗ hơn các anh một ngày* mà ngại, nhưng đừng ngại chi cả. Ở nhà các anh thường nói: "Chẳng ai biết dùng [tài của] ta". Nhưng nếu có người biết thì các anh sẽ đem tài năng gì ra dùng ?

* Lời ông thật nhún, so với lời Tử Lộ lại càng nổi bật lên.

Tử Lộ vội vàng đáp:

- Ví như có một nước nhỏ có một ngàn cỗ chiến xa, bị ép giữa hai nước lớn, lại có thêm nạn chiến tranh, dân chúng đói khổ, cho Do (tên của Tử Lộ) tôi cầm quyền chính trị nước đó thì chỉ ba năm, có thể khiến cho dân chúng dưng cảm mà lại biết đạo lý nữa.

Ông mỉm cười. Rồi hỏi:

- Còn anh Cầu, anh thì thế nào?

Nhiễm Hữu đáp :

- Như một nước vương vức có sáu bảy chục dặm [nghĩa là một nước rất nhỏ], mà cho Cầu tôi cầm quyền chính trị thì chỉ ba năm có thể khiến cho dân chúng được no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử.

- Xích, anh thì thế nào?

Công Tây Hoa đáp:

- Về lễ nhạc, tôi không phải là giỏi, nhưng xin được học. Trong việc tế tự ở tôn miếu hay trong hội nghị các chư hầu, Xích tôi xin mặc áo lễ huyền đoan, đội mũ chương phủ mà lãnh một chức nhỏ.

- Diễm, còn anh thì thế nào?

Lúc đó Tăng Tích gảy cây đàn sắt vừa ngưng, đặt đàn xuống, nghe reng một tiếng, rồi đứng dậy đáp:

- Chí của tôi khác hẳn ba anh đó.

Ông bảo:

- Hại gì đâu? Cũng là ai nấy tỏ chí của mình ra mà thôi.

Tăng Tích bèn thưa:

- Như bây giờ là tháng cuối mùa xuân, y phục mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi, với sáu bảy em bé dắt nhau đi tắm sông Nghi rồi lên hứng mát ở nền Vũ vu, vừa đi vừa hát, kéo nhau về nhà [tôi ước) như vậy].

Ông ngẫm nghĩ một chút rồi than: "Ta cũng muốn như anh Diễm".

Đọc Luận ngữ tôi thích nhất đoạn đó. Người ta chê đạo Khổng thực tế quá, hóa khô khan, nhưng chính Khổng tử có tính tình rất đa cảm và nghệ sĩ (tôi sẽ trở lại điểm này), tất cũng biết thích cái thú nhàn như Lão, Trang; nhưng ông rất ưu thời mẫn thế, phải nén sở thích để cứu đời đã, để tạo một xã hội trong đó

già trẻ, trai gái ai cũng được hưởng cái thú tắm mát trong dòng sông Nghi rồi hứng gió trên nền Vũ vu, rồi ông mới có thể cùng vui với mọi người được. Như vậy là ông suốt đời hy sinh, ta vừa quý ông mà vừa phục; chứ như Lão hay Trang, thì ta chỉ quý thôi chứ không phục được.

Chương 3

TÍNH TÌNH VÀ TƯ CÁCH KHỔNG TỬ

Không kể mấy chục năm ông bôn ba hết nước này qua nước khác để cố thi hành đạo của mình, mấy lần bị tai nạn, mấy lần bị vây đánh ở đất Khuông, một lần bị Hoàn Khôi, quan tư mã nước Tống muốn giết, một lần lạc đường, thầy trò cùng đói, lang thang như bầy thú rừng, rồi bao nhiêu lần bị người đời hiểu lầm mà trách mắng, không kể tất cả những nỗi lao đao tự ông vì đời mà chuốc vào thân, chỉ xét công lao ông dạy học trên nửa thế kỉ, cũng thấy được đức hi sinh của ông ra sao.

Trước hết chúng ta hãy xét tính tình và tư cách của ông đã, vì đối với một nhà giáo cái đó quan trọng bậc nhất, hơn xa kiến thức cùng phương pháp dạy dỗ.

Các triết gia thời nào, xứ nào cũng có một số môn đệ, nhưng tôi chưa từng thấy nhà nào, kể cả Lão tử, Mặc tử, được học trò ngưỡng mộ, vừa kính vừa yêu, hơn cha nữa, như Khổng tử; tôi cũng chưa từng thấy nhà nào chết trăm năm rồi* mà được môn sinh chép lại ngôn hạnh thành một tập tựa như nhật kí, tức bộ Luận ngữ.

Sở dĩ vậy là vì ông có một tính tình rất khả ái và một tư cách rất cao.

Trong Luận ngữ có hai bài nói đến đức ôn hòa mà cung kính của ông: bài Học nhi 10, nhất là bài Thuật nhi 37:

Ông ôn hòa nhưng nghiêm trang, oai vệ nhưng thư thái, hiền từ "*Tử ôn nhi lệ, oai nhi bất mãnh, cung nhi an*".

Ông rất hiếu học, suốt đời vừa dạy vừa học thêm, thành nhà bác học bậc nhất đương thời, đó cũng là một điều kiện chính để được môn đồ phục, vì đức hạnh cùng sự hiểu biết của ông thầy

* Các học giả đời Thanh cho rằng bộ Luận ngữ xuất hiện khoảng một thế kỉ sau khi Khổng tử mất.

không mỗi năm mỗi tiến thi học trò không chịu theo lâu, mà có những môn sinh như Tử Cống, Tử Lộ... theo học ông cả chục năm.

Ở trên tôi đã dẫn bài Công Dã Tràng 27, trong đó ông tự nhận chỉ có mỗi một đức hiếu học là hơn người. Chắc ai cũng nhớ câu: "*Tam nhân hành tất hữu ngã sư yên*" của ông (Thuật nhi-21). Dù chỉ đi một quãng đường với vài người khác, ông cũng để ý xét người đó có đức gì làm gương cho mình, những tật gì để cho mình tránh không. Và ông nhận những người đó đều là thầy của ông cả.

Ông khen Khổng Văn Tử, một đại phu nước Vệ, là "chịu hỏi những người dưới, không lấy vậy làm thẹn" ("*bất si hạ vấn*" - Công Dã Tràng-14).

Suốt đời ông ráng tránh bốn tật này: 1.-"vô ý", nghĩa là khi xét một việc gì, không đem ý riêng của mình vào mà cứ theo lẽ phải^{*}; 2.-"vô tất", tức không quyết rằng điều đó tất đúng hoặc điều đó tất làm được; 3.-"vô cố", tức không câu nệ, cố chấp; 4.-"vô

* Có sách giảng là không có tư dục.

ngã", tức như ngày nay ta nói phải quên mình đi đừng để cho cái "ta" làm mờ ám* ("Tử tuyệt tứ: vô ý, vô sát, vô cố, vô ngã"-Tử hân-4). Các nhà khoa học ngày nay cũng chỉ khuyên ta như vậy, chứ không hơn.

Như mọi người thực hiếu học, ông rất khiêm tốn: ông không dám tự nhận là bậc thánh, bậc nhân, mà còn bảo là chưa được bậc quân tử nữa, vì người quân tử không lo lắng, không làm lạc, không sợ sệt, ba điều đó ông chưa có được một (Hiến vấn-30).

Ông khuyên môn đệ "biết điều gì thì nói là biết, không biết thì nhận là không biết" (Vi chính-17), "muốn dạy người ta điều gì thì thực hành điều đó đã rồi sau hãy dạy" (Vi chính-13), "nên ít nói mà làm nhiều" (Lý nhân-23). Như vậy là ông rất thận trọng.

Ông đã khiêm tốn lại tế nhị. Vua Chiêu Công nước Lỗ cưới một thiếu nữ nước Ngô cùng họ, như vậy là trái lễ. Quan tư bại (cũng như thượng thư bộ hình) có ý chê Chiêu Công, hỏi Khổng tử :

- Vua Chiêu Công biết lễ không?

* Có sách giảng là không ích kỉ.

Ông đáp :

- Biết.

Rồi lui vào nhà trong.

Quan tư bại lại gần Vu Mã Kì, một đệ tử của Khổng tử, bảo :

- - Tôi nghe nói người quân tử không thiên vị; thì ra người quân tử [trò Khổng tử] cũng thiên vị ư?

Vu Mã Kì đem lời ấy kể lại với thầy, Khổng tử chỉ đáp:

- Khâu này thật may mắn; nếu có lỗi điều gì thì mọi người đều biết. (Thuật nhi-30).

Ông cũng biết rằng vua Chiêu Công làm một việc trái lẽ, nhưng không nỡ chê vua của mình trước mặt người khác; sẵn lòng nhận lời trách của quan tư bại, chứ không cãi, mà còn tỏ ý mang ơn quan tư bại đã vạch lỗi cho mình nữa. Phải là bậc đại hiền mới có thái độ như vậy được .

Tư cách của ông thật cao hơn chúng ta nhiều quá, mà ông lại rất gần gũi với chúng ta, rất tự nhiên, giản dị, ghét bọn "xảo ngôn lệnh sắc", nói thì cốt người ta hiểu mình là đủ, (*từ đạt nhi*

dĩ hi), không màu mè tô chuốt. Trong một đoạn sau, chúng ta sẽ thấy lối sống giản dị, thân mật của ông đối với các môn sinh.

Ông lạc quan, vui tính. Một hôm Diệp Công hỏi Tử Lộ về ông, Tử Lộ không biết đáp sao, về thưa lại với ông. Ông bảo: "Tại sao anh không đáp như vậy: Thầy tôi là một người ham tìm hiểu điều gì thì quên ăn, vui đạo mà quên các nỗi lo buồn, không thấy tuổi già nó tới?" (Thuật nhi-18).

Ông có những tình thương của con người nên rất gần chúng ta. Khi một người họ Diệp bảo ông: "Bọn tôi-hoặc xóm tôi -có những người ngay thẳng rất mực : hễ cha ăn cắp cừu thì con khai thực", ông đáp : "Bọn tôi - hoặc xóm tôi - người ngay thẳng cư xử khác vậy: cha che lỗi cho con, con che lỗi cho cha, như vậy là ngay thẳng." (Tử Lộ-18).

Một lần khác ông mắng Nguyên Nhược, một người ông quen từ lâu: "Hồi trẻ không biết kính người trên, lớn lên chẳng làm được điều gì đáng khen; già mà chẳng chết đi cho rồi, như vậy sống chỉ có phá hại thôi", rồi ông cầm gậy gõ vào ống chân của Nguyên Nhược. (Hiến vấn-46). Rõ là cử chỉ, ngôn ngữ của những ông già ta thường thấy chung quanh ta; ông đâu có vẻ trịnh trọng như các cụ đồ nho tưởng.

Hai truyện dưới đây cho ta thấy, nếu cần, ông cũng biết dùng "thủ đoạn".

Nhū Bi có một lỗi gì nặng, muốn yết kiến ông, ông từ chối, sai người ra bảo rằng ông đau không tiếp được. Người này vừa mới bước ra ông cầm cây đàn sắt lên, vừa đàn, vừa ca, chú ý cho Nhū Bi biết. (Dương Hóa-19).

Lần khác, Dương Hóa, một kẻ gian thần ông vốn ghét, muốn ông đến thăm hán, nhưng ông không đến. Hán bèn sai gia nhân đem tặng ông một con heo luộc. Theo lễ, ông phải đến cảm ơn, nhưng ông rình lúc Dương Hóa không có nhà mới tới. (Dương Hóa -1).

Ông có tâm hồn nghệ sĩ, hồi ở nước Tề, ham mê học nhạc Thiệu tới nỗi luôn ba tháng không biết mùi thịt, và bảo: "Thật không ngờ nhạc của vua Thuấn lại tận thiện tận mỹ đến thế!" (Thuật nhi-13).

Ông lại biết ca nữa chứ. Cùng hát với ai, thấy hay thì ông bảo hát lại cho ông họa theo (Thuật nhi-31).

Như mọi nghệ sĩ, ông rất đa cảm: ở nhà người có tang thì buồn rầu, ăn không bao giờ no; ngày nào đi điệu khúc ai thì hôm

đó không đàn ca. (Thuật nhi-9)- Khi Nhan Hồi (môn đệ được ông yêu nhất) chết, ông khóc nức nở tới nỗi các người chung quanh phải ngạc nhiên.

Đễ thương nhất là bậc "vạn thế sư biểu" ta tưởng rất mực đạo mạo đở, lại có tinh thần hài hước hơn hết thầy các triết gia khác đời Xuân Thu và Chiến quốc.

Trong đời ông bốn ba khắp các nước chư hầu, có lần môn đệ thất vọng quá, ông bảo họ: "Thầy trò mình chẳng phải trâu, cạp mà lang thang trong đồng hoang như vậy. Đạo của thầy sai chăng? Sao mà thầy trò mình gặp phải cảnh đở?"*

Lần khác, thầy trò lạc nhau. Tử Cống đi tìm ông. Một người dân trông thấy ông, bảo Tử Cống: "Tôi mới thấy một người đứng ở cửa đông, trán như trán vua Nghiêu, cổ như cổ ông Cao Dao, thấp người hơn vua Vũ (?), coi có vẻ thảm hại như con chó hoang vậy." Khi thầy trò gặp nhau rồi, Tử Cống kể lại lời đở, Khổng tử mỉm cười bảo: "Người đở tả hình dáng của ta không biết có đúng

* Coi chú thích trang sau.

không, nhưng cái vẻ của ta thâm hại như con chó hoang thì đúng lắm.*

Thầy trò ông vẫn thường thân mật nói đùa với nhau như vậy. Một hôm ông bảo Nhan Hồi (?): "Nếu anh mà giàu có thì thầy muốn làm quản gia cho anh."

Lần khác ông bảo: "Nếu muốn làm giàu mà được thì làm tên cầm roi đánh xe hầu người, ta cũng làm." (Thuật nhi-11).

Đọc Luận ngữ, thỉnh thoảng gặp những bài ông tự mỉa hoặc nói đùa với môn đệ như vậy, chúng ta mỉm cười, tưởng ông như đồng thời với ta, ở trong đám người chung quanh ta, không có chút gì cách biệt với ta cả.

Tóm lại ông vừa là một học giả, một triết nhân, vừa là một nghệ sĩ giản dị, tự nhiên.

* Ba chuyện này tôi nhớ chừng

Chương 4

CÁCH KHÔNG TỬ DẠY HỌC

Tư cách cao thượng, tính tình khả ái, mà dạy học thật tận tâm.

Chương *Thuật nhi*, bài 2, ông đã tự cho mình là "học hỏi không biết chán, dạy người không biết mỏi"; rồi cũng chương đó, bài 33, ông lại nói:

"Nhận là bậc thánh và bậc nhân thì ta đâu dám; nhưng làm việc không biết chán, dạy người không biết mỏi, chỉ có thể gọi ta như vậy được thôi." Công Tôn Hoa nghe vậy, thưa:

- Chính hai điều đó, chúng con không theo kịp thầy được."

Chúng ta có thể nói thêm suốt đời Xuân Thu và Chiến quốc, có lẽ chỉ có Mặc tử là theo kịp được ông.

Ông thực tâm dạy cho bất kỳ ai. Dù là người tối tăm đến đâu, hỏi ông điều gì thì ông cũng dẫn dắt tường tận từ đầu tới đuôi (Tử hân-7). Giảng giải như vậy cũng là một cách sắp đặt, kiểm soát tư tưởng của mình, tức một cách học thêm.

Ông tuân tự dẫn dắt môn sinh, bắt họ gắng sức hoài, dù muốn nghỉ cũng không được. Cho nên Nhan Uyên đã phải nói:

- Thầy dùng văn học mà mở mang trí thức cho tôi, dùng lễ mà ước thúc tâm thần cho tôi. Tôi muốn ngừng mà không được. Tôi đã gắng hết sức mà vẫn thấy cái gì sừng sững trước mặt (không vượt nổi), tôi muốn theo tới cùng mà không làm sao theo được. (Tử hân-10).

Nhiễm Hữu cũng thấy vậy, thưa với ông:

-Chẳng phải là con không mộ đạo thầy, nhưng sức con theo không nổi.

Có lẽ Nhiễm Hữu thiếu đức tự tín, nên ông phải đốc thúc:

- Kẻ không đủ sức, đi được nửa đường thì bỏ. Anh không phải vậy, anh tự vạch trước mức đường, chỉ mong tới đó rồi thôi. (Ung dã-10).

Điểm mà nhiều môn sinh thấy khó nhất là ông không chỉ cho hết, chỉ gợi ý để họ tự tìm lấy, vì vậy những lời dạy của ông rất vắn tắt, so Luận ngữ với Mạnh tử ta thấy hai bộ này tương phản hẳn nhau: Luận ngữ là lời một bậc minh triết, cô đọng và sâu sắc; Mạnh tử là lời một nhà hùng biện, rõ ràng mà lời cuốn.

Ông bảo: "Kẻ nào không hăng hái muốn hiểu thì ta không thể giúp cho hiểu được; kẻ nào không rành tỏ ý kiến thì ta không thể giúp cho phát biểu ý kiến được. Ta vén lên một góc mà chẳng tự tìm ra được ba góc kia thì ta không giảng thêm cho nữa." (Thuật nhi-8). Chẳng hạn ông chỉ bảo: "*Ngô đạo nhất di quán chi*" và môn sinh phải tự tìm ra cái lí nhất quán đó là gì. Nhưng chắc chỉ hạng trên bậc trung ông mới dạy theo cách ấy, chứ hạng dưới bậc trung thì vén cho ba góc, tự tìm lấy được góc thứ tư cũng đã là khá rồi. Nếu là kẻ tối tăm thì ông phải dắt dẫn từ đầu tới cuối.

Ông lại nói: "Người nào không tự hỏi: "Phải làm sao? Phải làm sao?" thì ta cũng chẳng có cách nào chỉ bảo được" (Vệ Linh

Công-15); vì "học mà không suy nghĩ thì công toi, không hiểu được gì" (Vi chính-15).

Ông thường gọi cho môn sinh tự xét mình, tự so sánh với bạn khác để họ gắng sức thêm. Một lần ông gọi Tử Cống lại hỏi:

- Anh tự xét anh với anh [Nhan] Hôi, ai hơn ai kém?

Tử Cống đáp:

- Con đâu dám sánh với anh Hôi. Anh Hôi nghe một mà biết mười, con nghe một chỉ biết được hai.

Ông bảo:

- Phải, anh không bằng anh Hôi. Ta cũng nhận vậy. (Công Dã Tràng-8).

Nhất là ông bắt phải thực hành. Ta nên nhớ chữ "học" trong đạo Khổng thường có nghĩa là học đạo để sửa mình, cho nên phần thực hành quan trọng nhất. Hiểu thế nào là nhân, lễ, nghĩa, tín.. mà không thực hành thì cái hiểu đó hoàn toàn vô dụng; trái lại nếu thực hành, mỗi ngày mỗi tấn tới thì vui vô cùng. Cho nên bộ Luận ngữ mở đầu bằng câu: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*" (Học mà ngày nào cũng tập tành thì cũng chẳng vui ư?).

Ông dạy mỗi người một khác, tùy tư cách, trí tuệ từng người mà giảng: người bậc trung trở lên thì mới đem những điều cao xa ra nói; người ở dưới bậc trung thì không nên. (*Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã; trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.*-Ung dã-19).

Ông lại tìm sở đoản của mỗi môn sinh mà sửa cho, sở trường mà bồi bổ cho. Vì vậy bốn môn sinh cùng hỏi về đức hiếu, mà ông trả lời mỗi người một khác.

Điểm này đã được Phan Bội Châu phân tích rất kỹ trong cuốn *Khổng học đặng*-quyển I. chương XVII (Anh Minh-Huế 1957), tôi chỉ xin tóm tắt lại dưới đây:

Mạnh Ý tử là người hay chiều cha mẹ mà không biết giữ lễ, nên Khổng tử bảo: "vô vi", nghĩa là đừng trái lễ phải, tức đừng trái lễ. (Vi chính-5).

Mạnh Vũ Bá thường có bệnh tật (có sách chú thích rằng có "tính cần dỡ, không thận trọng lấy thân", tức tính hung hăng, coi thường tính mạng) nên Khổng tử nhắc: "*phụ mẫu duy kì tật chi ưu*", nghĩa là cha mẹ chỉ lo ngại con mắc bệnh tật". (Phan Bội Châu giảng là: cha mẹ thương yêu các con ngang nhau, nhưng

riêng đứa nào có tật bệnh thì cha mẹ lo lắng nhiều hơn).
(Vi chính-6).

Tử Duy tuy biết nuôi cha mẹ mà thiếu lòng kính, nên Khổng tử bảo: "Ngày nay ai biết nuôi nấng cha mẹ thì người ta cho là có hiếu, nhưng chó ngựa kia, cũng "biết đem năng lực ra cung phụng cho chủ nhà"*, con nuôi nấng cha mẹ mà không cung kính thì có khác gì chó ngựa? (Vi chính-7).

Tử Hạ có thói cau có, không vui hòa với cha mẹ, nên Khổng Tử đáp: "*sắc nan*", nghĩa là giữ được nét mặt vui hòa với cha mẹ, điều đó mới khó. (Vi chính-8).

Bốn bài hỏi về hiếu đó, sắp liên tiếp nhau trong chương Vi chính, là có ý nghĩa lắm.

Về đức nhân cũng vậy, có cả chục lần môn đệ đem ra hỏi, mỗi lần Khổng tử dạy một khác. Về chính trị, lễ, nghĩa, vân vân... cũng có năm sáu bài, không bài nào giống bài nào. Vì mỗi vấn đề có nhiều khía cạnh, phải biết rõ câu chuyện xảy ra trong hoàn

* Hiếu theo Phan Bội Châu- Các sách khác thường dịch như sau: Nhưng chó, ngựa kia, người ta cũng nuôi vậy: "Chỉ ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng."

cảnh nào thì mới hiểu hết được ý nghĩa, mà Luận ngữ lại ghi chép vắn tắt quá, các nhà chú thích đời sau không tra cứu được, nên trong các bài viết về nhân, lễ, nghĩa... chúng ta không biết rõ được thâm ý của Khổng tử bằng trong bốn bài về hiếu đã dẫn ở trên.

Tôi xin dẫn thêm một bài nữa, ý nghĩa thật rõ ràng, mà rất lý thú, có thể làm mẫu mực về cách dạy học, để các nhà giáo dục suy ngẫm.

Hai môn đệ Tử Lộ và Nhiễm Hữu cùng hỏi Khổng Tử một câu: "*Văn tư hành chư?*" nghĩa là "Hễ nghe được điều gì* thì làm liền chăng?" Khổng tử đáp Tử Lộ:

-Ồ trên còn cha anh, mình là con em, phải hỏi ý kiến cha anh đã chứ, đâu có thể nghe rồi làm liền được.

Trái lại, ông khuyên Nhiễm Hữu:

-Ừ, nghe rồi thì làm liền đi.

Công Tây Hoa (cũng là môn đệ) thấy ông trả lời hai lần trái ngược hẳn nhau, đâm ra nghi hoặc, hỏi tại sao, ông đáp:

* Các sách thường dịch là "hễ nghe được điều phải", Phan Bội Châu thận trọng chỉ dịch sát như vậy thôi.

-Tính Nhiệm Hữu nhút nhát, rụt rè, nên thầy phải thúc đẩy; còn tính Tử Lộ hăng hái hơn người, nên thầy phải kéo lùi lại. (Tiên tiến-21).

Vậy lối dạy của ông đúng như lối mà người Pháp ngày nay gọi là "enseignement sur mesure", tùy tính tình, trí tuệ, tư cách của mỗi người, cũng như may áo phải tùy kích thước của mỗi người.

Sau cùng còn một điểm nữa rất quan trọng, ta có thể đoán được, là ông luôn luôn làm gương cho môn sinh, vì ông chủ trương rằng người trên phải làm gương cho người dưới. Trong Luận ngữ, có cả chục bài khuyên vua chúa phải cư xử cho ra vua chúa, phải lấy đức mà trị dân, phải làm gương cho dân...^{*}; đó không thuộc phạm vi tập này, nên tôi chỉ xin chép lại bài *Thuật nhi-3*, để độc giả thấy Không tử luôn luôn lo sửa mình.

Ông bảo:

* Chẳng hạn những câu: Kì thân chính, bất lệnh nhi hành; kì thân bất chính, tuy lệnh bất iòng (Tử Lộ-6);- Bất năng chính kì thân, như chính nhân hà? (Tử Lộ-13).

"Đức hạnh không trau dồi, học vấn không tinh tường, nghe được điều nghĩa mà không làm theo, có điều chẳng phải mà không sửa đổi, đó là những điều ta lấy làm lo."

Vừa siêng năng học hỏi thêm, vừa tận tụy dạy học như vậy, mà bắt đầu từ hồi bốn mươi tuổi, ông lại còn thu thập tài liệu để viết sách nữa; ta phải phục sức làm việc của ông. Dành rằng những bài trong kinh Thi, kinh Thư đã lưu hành từ trước, ông chỉ có việc chép nhật, sắp đặt lại; còn việc chú giải kinh Dịch không chắc đã là của ông; nhưng việc nghiên cứu lễ, nhạc để soạn thành sách thì quả là công của ông, và kinh Xuân Thu thì hiển nhiên là do ông trứ thuật. Chỉ một kinh đó cũng đủ cho ông lưu danh là tác giả đầu tiên của Trung Hoa, mở đường cho Lão tử*, Trang tử, Mạnh tử, Tuân tử..., vì tập Chu lễ tương truyền của Chu Công soạn, nhưng sự thực thì có lẽ viết từ trước thế kỉ thứ năm tới thế kỉ thứ ba trước T.L.; còn cuốn Quán tử thì ai cũng thấy là do đời sau (cuối thời Chiến quốc?) soạn tác.

* Ngày nay các học giả Trung Hoa cho rằng Lão tử sinh sau Khổng tử

Sở dĩ ông vất vả, mệt nhọc như vậy, lắm lúc thềm cái thú nhân tân, (mà sau này Lão Trang đề cao): tắm mát trên dòng sông Nghi rồi lên hứng gió ở nền Vũ vu, là vì ông muốn cứu loạn cho đời; nếu đời không loạn thì ông đâu phải bận tâm sửa đổi xã hội làm chi. "*Thiên hạ hữu đạo, Khâu bát dĩ dịch dã.*" (Vi tử 6).

Chương 5

TÌNH THẦY TRÒ

Cách dạy của ông làm cho môn sinh ngưỡng mộ; cách cư xử của ông đối với họ mới làm cho họ yêu quý như cha. Tôi thường tự hỏi khắp thế giới chỉ có những dân tộc chịu ảnh hưởng của Trung Hoa là trọng thầy học hơn cha (quân, sư, phụ) có phải vì Trung Hoa có Khổng tử không? Tôi có thể tin chắc rằng môn đệ của Lão tử, Trang tử, Liệt tử, Dương tử không có được cái tình thâm thiết đối với thầy như bọn Nhan Hồi, Tử Lộ, Tử Cống, Tăng Sâm... đối với Khổng tử. Tôi không kể thầy trò họ Mặc vì Mặc tử gần như một giáo chủ rồi, tình của họ đối với nhau vẫn có cái gì khác tình thầy trò.

Một trong những cái thú nhất của tôi là lâu lâu lật Luận ngữ ra đọc lại những bài chép các cuộc đàm thoại thân mật, tự nhiên mà sâu sắc, giữa thầy trò họ Khổng. Bài nào cũng cô đọng, có khi chỉ hai hàng chữ, mà cho ta thấy khía cạnh của tính tình mỗi

người. Đúng như Lâm Ngữ Đường nói trong cuốn *La sagesse de Confucius* (bản Pháp dịch của nhà Victor Attinger - Paris 1949), Khổng tử có vẻ sung sướng giữa một nhóm đệ tử thân của ông; mà đệ tử cũng sung sướng được sống ở bên cạnh ông, cả trong những năm họ lao đao trôi giạt khắp nước này tới nước khác.

Như vậy cũng chỉ là lẽ thừa trừ, vì cơ hồ ông không được hưởng nhiều lạc thú trong gia đình; về phương diện đó ông thua Tô Đông Pha. Bà Tô biết chiều chồng, luôn luôn để dành một hũ rượu ngon để ông cùng bạn bè xách đi chơi ở Xích Bích, câu cá rồi nhắm, hoặc để rót cho ông một chén mỗi khi ông rầu rĩ về việc quan, việc nhà. Còn bà Khổng, thì theo Lâm Ngữ Đường, dở việc bếp núc, có lần không tìm ra được thịt tươi, phải sai con lại tiệm mua rượu và món ăn nấu sẵn, ông bất bình bảo: "Rượu thịt mua ở tiệm thì không ăn." (Hương đảng - 8)*

Họ Lâm đã tưởng tượng ít nhiều, nhưng con người "ôn lương" như Khổng tử mà phải bỏ vợ hồi 23 tuổi, sau bốn năm sống chung thì cũng tội thật. Có sách nói ông không cưới bà sau, và ta có thể

* Lin Yutang - The importance of living - Ch.IX

chắc chắn rằng từ hồi ông năm chục tuổi, đi lang thang khắp các nước chư hầu thì không có người đàn bà nào chăm sóc cho ông cả, (con gái ông chắc đã có chồng) các môn sinh hầu hạ ông hết mọi việc.

Ông chỉ có mỗi một người con trai sinh từ hồi ông làm một chức quan nhỏ ở Lỗ, cho nên vua Lỗ mừng ông có mỗi một con cá chép, do đó, ông đặt tên cho con là Lí (cá chép) tự là Bá Ngư. Cậu Lí chắc hiền lương, nhưng chậm chạp, không thông minh, không có tài gì đặc biệt, cho nên không sách lược nhắc tới cậu, và Khổng tử cũng ít khi hỏi chuyện cậu.

Trong Luận ngữ, tôi chỉ thấy mỗi một bài *Qui-thị* 13 là nói đến cậu.

Trần Cang tức Tử Cầm, một môn đệ của Khổng Tử, hỏi Bá Ngư (tức cậu Lí):

- Anh được nghe thầy dạy điều gì lạ không ?

Chắc Trần Cang không được nghe lời này của ông: "Các anh ngờ rằng ta có điều gì giấu các anh chăng? Không đâu. Ta chẳng làm gì mà không cho các anh hay." (*Thuật-nhi* 23), cho nên ngờ Khổng Tử giữ những điều cao siêu để dạy riêng cho cậu con.

Bá Ngự đáp:

- Chưa. Cha tôi lần đó đứng một mình, tôi đi nhanh qua sân. Cha tôi hỏi tôi: Học Thi chưa? Tôi thưa: Chưa. Cha tôi bảo: Không học Thi thì không biết ăn nói. Tôi bèn lui vào, học Thi.

(Cha con họ Khổng thật cũng lạ lùng. Con đi ngang qua chỗ cha đứng mà phải rảo bước. Cha dạy học mà không biết con đã học cái gì !)

Lần khác, cha tôi lại đứng một mình - vẫn lời của Lí - tôi đi nhanh qua sân (cũng lại đi nhanh nữa). Cha tôi hỏi: Học Lễ chưa? Tôi thưa: Chưa. Cha tôi bảo: Không học Lễ thì không vững chí lập thân. Tôi bèn lui vào học Lễ. Tôi chỉ được nghe cha tôi dạy hai lần đó thôi.

Trần Cang mừng quá, cho rằng hỏi một điều mà biết được ba điều: 1- phải học Thi, 2- phải học Lễ, 3- và người quân tử (ở đây là Khổng tử) "Không hay gần con" "coi sơ con", (*quân tử chi viễn kì tử dã*) nghĩa là không săn sóc tới con bằng săn sóc học

* Vô dĩ lập: Chu Hi giải thích là không được vững

trò. Ý nghĩa rõ ràng như vậy mà có người còn bênh vực Khổng tử bảo vì ông lúc thì bận việc quan, lúc thì chu du thiên hạ, xa nhà, nên không biết con đã học những gì.

Một triết nhân đâu có cần ta bênh vực, hướng hồ tâm lý của ông có thể hiểu được. Các cụ đồ ta hồi xưa, khi con đã hơi lớn thường nhờ bạn bè dạy cho, mặc dù mình đủ sức dạy, vì lẽ cha đối với con thường hoặc là nghiêm khắc quá mà con sẽ oán mình, hoặc là nhu nhược quá mà con dễ sinh hư.

Nhưng đọc bài trên, so sánh với những bài khác chép các cuộc trò chuyện của Khổng tử với môn đệ, tôi thấy rõ tình của Khổng tử với con không đậm thắm lắm, mà cậu Lí quả là kém lanh lợi, vào hạng cha bảo làm gì thì làm nấy. Như vậy, ông không hi vọng gì ở cậu nhiều mà dạy cậu chắc cũng không vui gì lắm. Như hầu hết các vị nhân khác, ông phải chịu cảnh cô độc trong gia đình.

Các sách thường nói đến số ba ngàn đệ tử của Khổng tử. Ta chỉ nên hiểu "ba ngàn" đó là khoảng vài ba ngàn, mà con số này không có gì quá đáng. Ta nên nhớ ai đến xin học ông cũng nhận, cả những thanh niên trong những làng không có tiếng tốt, cả những em nhỏ (đồng tử) chưa hiểu đạo lý được, mới đầu ông chỉ

sai đi đây đi đó để học tập lễ nghi, cách đi đứng, ăn nói (bài Hiến vấn 47), mà ông lại dạy học trước sau trên 50 năm thì số "ba ngàn" đó đáng tin được, nhất là theo quan niệm hồi xưa, dù học một ngày cũng là môn sinh được rồi. Trung bình mỗi năm ông thu nhận năm sáu chục môn sinh mới, không phải là nhiều, đủ để bù số thôi học. Một số ở tại nhà ông, một số về nhà mình hoặc ở trọ trong xóm. Lúc nào đông quá thì các trò lớn có thể giúp ông dạy các trò nhỏ được, như trong trường các cụ đồ hồi xưa.

Trong số ba ngàn môn sinh đó, các sách nhắc tới "*thất thập nhị hiền*", con số 72 này, cũng như các con số 12, 28, 36... khả nghi lắm. Sự thực Luận ngữ ghi chuyện của khoảng ba chục môn sinh, và chỉ một nửa số đó được nhận là có tài hoặc có đức.

Dáng gọi là thân nhất thì chỉ có sáu bảy người:

- Nhan. Hồi tên tự là Uyên, tính tình trầm mặc, cần mẫn được Khổng tử khen là có nhân, nhưng chết yếu (31 tuổi ta), ông rất thương tiếc;

- Tử Lộ, tên là Trọng Do, lại có tên là Quý Lộ, mà Lâm Ngữ Dương trong cuốn *La sagesse de Confucius* gọi là thánh Pierre của đạo Khổng, vì hay thắc mắc, nghi ngờ hành động của thầy;

có tài, tính quả cảm cương trực, nhưng không biết biến thông, làm quan đại phu nước Vệ, bị tội phải giết;

- Tử Cống tên là Doan Mộc Tứ, hay nói, có tài biện thuyết, nhà giàu, thích buôn bán, làm quan nước Lỗ, nước Vệ;

- Tăng tử, tức Tăng Sâm, tên tự là Dư (con Tăng Tích, Tích cũng là học trò Khổng tử) rất có hiếu, nghiêm trang, đôn hậu, học rộng mà vững, sau này truyền bá đạo của thầy trong cuốn Đại học, (một trong tứ thư), và có lẽ soạn cả cuốn Hiếu kinh nữa;

- Tử hạ, tên là Bốc Thương, giỏi về Thi, biết rộng và sâu, thận trọng, đốc tín, nhưng qui mô hẹp hòi.

Nên kể thêm: Nhiễm Cầu khiêm tốn, giản dị; Mẫn Tử Khiên có hiếu; Nhiễm Ung, tự là Trọng Cung, tính tình ung dung, hòa nhã; Tử Trương, tên là Chuyên Tôn Sư ung dung, khiêm tốn; Nguyên Hiến nghèo mà vui đạo, sau thành ẩn sĩ...

Đối với môn sinh, nếu cần, ông cũng rất nghiêm khắc, mắng như tát nước vào mặt.

Chẳng hạn Tử Dư, tự là Tế Ngã, hay nói, hay khoe mà lại làm biếng học, có tật ngủ ngày, ông rầy: "Gỗ mà mục thì không chạm khác gì được, vách bằng đất bùn thì không tô vẽ gì lên được.

Ta còn trách thằng Dư làm gì nữa?" Rồi ông nói thêm: "Trước kia, nghe ai nói, ta tin rằng đức hạnh của họ hợp với lời của họ, ngày nay thì ta đâm ngờ, phải quan sát xem hành động của họ có đúng với lời nói của họ không. Vì thằng Dư mà ta đổi thái độ như vậy đấy." (Công Dã Tràng - 9).

Cả khi môn sinh đã lớn, ra làm quan rồi, ông vẫn theo dõi hành vi của họ, hễ làm bậy thì ông rầy (một số nhà Nho của ta hồi xưa cũng vậy, cho nên có những ông phủ, ông án chính tích xấu xa thì len lét mỗi khi lại nhà thầy học, bị thầy máng thì đứng yên mà nghe, không dám đáp, mà thầy chẳng có chức tước gì cả). Luận ngữ chép bốn năm trường hợp, tôi xin trích dẫn hai bài làm thí dụ.

"Họ Quý là một quyền thần của nước Lỗ, sắp đem quân đánh nước Chuyên Du, một nước nhỏ lệ thuộc vào Lỗ. Nhiệm Hữu và Tử Lộ làm gia thần* của họ Quý, vào yết kiến Khổng tử, cho hay tin đó.

* Gia thần là kẻ hạ sĩ giúp việc cho một đại phu.

Ông trách riêng Nhiễm Hữu có lẽ vì ông biết Nhiễm Hữu chịu trách nhiệm trong vụ ấy:

- Nay Cầu (tên của Nhiễm Hữu), đó chẳng phải là lỗi của anh sao? Hồi xưa tiên vương đã cho vua Chuyên Du làm chủ tế ở núi Đông Mông, mà nước ấy lại ở trong khu vực của nước nhà (tức của Lỗ), thế là bề tôi của xã tắc rồi, sao lại đem quân đánh người ta?*

Nhiễm Hữu thưa:

- Đó là thầy Quý muốn vậy, chứ hai chúng con là gia thần không muốn.

Khổng tử mắng một hơi:

Sứ thần Chu Nhâm hồi xưa bảo: "Có thể đem tài lực ra giúp dân thì nên giữ chức; bằng không thì nên từ chức đi. Nếu nước nguy biến mà mình không biết bảo vệ, nước nghiêng ngả mà mình

* Thời đó nước Lỗ chia làm bốn phần, họ Quý đã chiếm hai phần rồi, hai họ Mạnh và Thúc, cũng là quyền thần, chiếm mỗi nhà một phần, nay họ Quý tham lam muốn chiếm luôn cả nước Chuyên Du về phần mình nữa.

không chống đỡ lại được, thì ai dùng mình làm tướng (tức đề giúp việc) làm gì? Vả lại anh nói bậy rồi. Con hổ, con trâu rừng sổ cũi, mai rùa và ngọc quý bể nát ở trong rương, thì lỗi ở ai?*

Nhiệm Hữu lại thưa nữa:

- Nước Chuyên Du đó thành quách kiên cố lại ở gần ấp của họ Quý. Nay họ Quý không chiếm lấy thì sẽ thành mối lo cho con cháu đời sau.

- Nay Cầu! người quân tử rất ghét kẻ viển lã này lã nọ để biện hộ cho cái lòng tham của mình. Khâu này nghe nói người có nước có nhà không lo ít người mà lo không được quân bình, không lo nghèo mà lo không được yên ổn. Đã quân bình thì không nghèo, hòa thuận với nhau thì người sẽ không ít, yên ổn thì không nghiêng đổ. Như vậy mà người ở xa chưa phục mình, thì sửa văn đức để họ đến với mình, họ đến với mình rồi thì nên làm sao cho họ được yên ổn. Nay hai anh (Tử Lộ và Nhiệm Hữu) giúp họ Quý, người ở xa không phục, mà không biết làm cho người ta đến với

* Ý nói: ở người quân gia, chứ không ở chủ nhà. Vậy Nhiệm Hữu không thể đổ lỗi cho chủ được.

mình, nước chia rẽ lìa tan mà không biết bảo vệ, lại tính dấy binh ở trong nước,* thì ta e rằng mối lo của con cháu họ Quý không phải ở nước Chuyên Du đâu mà ở ngay sau bức bình phong đấy." (Quý thị-1)

Bài đó là một trong những bài dài nhất mà hay nhất trong Luận ngữ, cho ta thấy một khía cạnh tính tình của Khổng tử. Ông vốn ít nói, hoặc nói chỉ vắn tắt vài lời (*dữ dục vô ngôn*-Dương Hóa-18); nhưng lần này ông thật hùng hồn, giọng gay gắt (chắc ông giận lắm), lí luận minh bạch, khéo dẫn lời cổ nhân, mà ý tưởng lại cao đẹp: câu "*Hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất an*" là một trong những câu bất hủ của ông, vào hàng sâu sắc nhất trong tư tưởng nhân loại, hiện nay càng đáng làm châm ngôn cho chính khách khắp thế giới.

Bài thứ nhì (Tiên tiến - 16) cũng liên quan tới Nhiệm Hữu nữa. Không rõ việc này xảy ra trước hay sau việc mưu đánh nước Chuyên Du, có lẽ là sau.

* Vì Chuyên Du cũng thuộc về Lỗ.

Họ Quý đã làm chủ được một nửa nước Lỗ rồi, giàu có như vậy rồi mà Nhiễm Hữu làm gia thần, thâu thuế cho chủ, còn bóp chẹt dân, để cho chủ giàu thêm. Khổng tử nổi giận, bảo môn sinh: "Nó không phải là môn đồ ta nữa. Các con nên nổi trống mà công kích nó đi." (*Tiểu tử minh cổ nhi công chi, khả dã.*)

Như vậy, tuy "ôn lương", nhưng cũng có lúc ông biết nổi giận một cách chính đáng. Người ta sợ ông ở điểm đó; mà chúng ta cũng thấy ông gần chúng ta cũng ở điểm đó: làm người thì phải có những lúc bất bình, phẫn nộ, đâu có thể như ông Phật trên tòa được. Có lần ông cũng bạo miệng lắm. Một nhóm môn sinh đứng hầu ông: Mẫn Tử Khiên vẻ mặt vui vẻ; Nhiễm Hữu và Tử Cống thì có vẻ cương trực; Tử Lộ có vẻ quá cương cường. Ông răn Tử Lộ phải coi chừng, kéo mà "bất đắc kì tử" đấy (*Tiên tiến-12*). Quả là một lời tiên tri: Tử Lộ tự phụ về sức khỏe của mình, sau bị giết ở Tích Thành nước Vệ.

Nhưng xét chung thì ông khen môn đồ của ông nhiều hơn là mắng, và khi khen ông cũng không tiếc lời. Nhan Hồi được ông khen nhiều nhất (non mười lần trong Luận ngữ), khen trước các môn sinh, khen cả với người ngoài là "hiếu học, giận ai thì không giận lây, rui có làm lỗi thì chỉ một lần thôi" (*Ung dã-2*); có thể

giữ được đức nhân liên tiếp ba tháng, còn những trò khác thì chỉ một tháng là cùng" (Ung dã-5) "nghèo mà không buồn, ở trong ngõ hẻm, sống với một giỏ cơm, một bầu nước, thật là người hiền" (Ung-dã-9) "tiến hoài, trên đường đạo lí mà không ngừng" (Tứ hãn-20). Câu này ông nói với Nhan Hôi (Thuật nhi-10) có lẽ làm cho Nhan Hôi vui lòng nhất: "Người ta dùng mình thì mình đem đạo lí ra thi hành, chẳng dùng mình thì ở ẩn mà giữ đạo lí; chỉ có thầy trò mình là được như vậy mà thôi."

Mối tình giữa hai thầy trò đó thật cảm động. Họ hợp ý nhau tới cái mức thầy nói điều gì là trò hiểu liền, tin liền, làm theo liền, không hề nghi một chút, và có lần thầy trách yêu trò: "Thầy giảng điều gì, anh Hôi cũng vui thích, cho là phải, thành thử không giúp thầy được điều gì cả." (Tiên tiến-3). Ý ông muốn nói, không tỏ ý nghi ngờ, để thầy trò biện luận với nhau mà ông tìm thêm được chân lí.

Nhan Hôi phục ông như một bức thánh: "Đạo của thầy ta, càng ngừng lên nhìn càng thấy cao; càng dùi vào càng thấy kiên cố; mới nhìn thấy ở trước thì bỗng nhiên hiện ở sau lưng, (...) ta có muốn theo cho cùng, mà không làm sao theo được." (Tứ hãn-10).

Hai thầy trò xa nhau thì nhớ, gặp lại được thì mừng rỡ vô cùng, nói đùa với nhau y như cha con, nếu không sợ vô lễ thì tôi sẽ nói như một cặp tình nhân. Lần đó họ bị một cơn hoảng ở đất Khuông; người Khuông tưởng lầm ông là Dương Hồ mà họ rất ghét, vây bắt ông; sau họ biết là lầm, thả ông ra. Lúc đó Nhan Hồi lạc ở phía sau. Tôi khi thầy trò gặp lại nhau, Khổng tử bảo:

-*Ngô dĩ nhữ vi tử hĩ*: Thầy tưởng anh [choảng nhau với họ] mà chết rồi chứ!

Nhan Hồi đáp:

- *Tử tại, Hồi hà cảm tử?*: Thầy còn sống, con đâu dám chết.

(Tiên tiến-22)

Các người chú giải và dịch Luận ngữ thường cho cuộc đàm thoại đó là nghiêm trang; tôi nghĩ rằng hai thầy trò nói đùa với nhau, như vậy có phần cảm động hơn.

Nhan Hồi bất hạnh mất hồi 31 tuổi, Khổng tử đau xót vô cùng, khóc nức nở: "Trời hại ta! Trời hại ta!" (*Thiên táng dư! Thiên táng dư!*-Tiên tiến-8), tới nỗi môn đồ phải ngạc nhiên, khuyên ông: "Thầy nức nở thái quá"; ông đáp: "ta nức nở làm sao? Nhưng ta chẳng vì người ấy mà nức nở, thì vì ai?" (Tiên tiến-9).

Không rõ việc xảy ra năm nào, nhưng chắc chắn là sau khi ông bị nguy ở Trần, Thái và trong khi ông cùng môn đồ tiếp tục bốn ba các nước chư hầu. Có thể đoán rằng sớm lắm là vào khoảng 491-489* ông từ 60 tới 62 tuổi. Lúc đó cậu Li đã chết (coi bài Tiên tiến-7)** mà ông ngờ rằng đạo của mình khó thi hành trong đời mình được, chỉ trông cậy ở mỗi Nhan Hồi, cho nên mới thốt ra lời dứt ruột đó: *Thiên táng dư!*

Không bao giờ ông quên được môn sinh gương mẫu đó, khi vua Lỗ Ai Công hỏi ông trong số đệ tử có ai hiếu học, ông đáp: "Có Nhan Hồi, nhưng chẳng may đã chết sớm, nay không còn ai nữa." (Ung dã-2). Rồi khi Quý Khang Tử cũng hỏi ông câu đó, ông cũng trả lời y như vậy (Tiên tiến - 6).

Một lần khác, chắc vào hồi ông gần bảy chục tuổi, chán chu du thiên hạ mà trở về Lỗ, nhớ lại những môn sinh cùng chia sẻ cay đắng hoạn nạn với ông ở nước Trần, nước Thái, nay kẻ sống người chết, mỗi người một ngã, không còn ai ở bên cạnh nữa, ông

* Vì bài Tiên tiến-2, ông nói Nhan Hồi có theo ông qua Trần Thái.

** Có sách nói Khổng Tử chết hồi 50 tuổi, nếu vậy thì khi Nhan Hồi chết, Khổng Tử ít nhất cũng 70 tuổi, vì 19 tuổi ông mới có vợ.

rầu rĩ nhắc tên từng người: "Về đức hạnh thì có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung; có tài ăn nói là: Tế Ngã, Tử Cống; có tài về chính trị là Nhiễm Hữu, Quý Lộ; về văn học có Tử Du, Tử Hạ." Nhan Hồi cũng lại được ông nhắc tới đầu tiên.

Ông khen Mẫn Tử Khiên là có hiếu (Tiên tiến-4), là ít nói nhưng nói điều gì cũng trúng (Tiên tiến-13).

Xét chung thì người nào cũng có một điểm (hoặc đức hoặc tài) cho ông khen:

Khi Quý Khương Tử hỏi ông:

- Trọng Do (tức Tử Tộ) có thể dự việc chính trị (tức làm đại phu) được không?

Ông đáp:

- Do là người quả quyết, dự việc chính trị sao lại không được?

Lại hỏi về Tử Cống, về Nhiễm Hữu; ông đều đáp:

- Được hết, vì Tử Cống thông hiểu đạo lý, và Nhiễm Hữu có tài nghệ. (Ung dã-6).

Ông nhận người nào cũng có một sở trường.

Tử Lộ có thể điều khiển quân đội của một nước ngàn cỗ xe; Nhiễm Hữu có thể làm quan tể cho một ấp có ngàn nhà, hoặc một nước có trăm cỗ xe; Tử Hoa có thể mặc lễ phục đứng ở triều đình mà tiếp tân khách (Công Dã Tràng-7).

Sở trường của họ có thể hơn ông nữa. Theo *Khổng Tử gia ngữ*, một hôm Tử Hạ hỏi ông về Nhan Hồi, Tử Cống, Tử Lộ, Tử Trương; ông đáp Nhan Hồi có đức tin hơn ông, Tử Cống nhanh hơn ông, Tử Lộ dũng cảm hơn ông, Tử Trương trang nghiêm hơn ông.

Tử Hạ ngạc nhiên, đứng dậy hỏi:

- Thế thì tại sao bốn anh ấy lại phải đến học thầy?

Ông bảo:

- Ở đây, ta bảo cho: Hồi biết tin mà không biết nghĩ lại [có lẽ là không biết thắc mắc-coi lại bài Tiên tiến - 3] ; Cống [Tử Cống] biết nhanh mà không biết chậm; Lộ [Tử Lộ] có dũng mà không biết có lúc nên nhát; Trương [Tử Trương] trang nghiêm mà không biết ung dung để hòa với mọi người.

Nghĩa là người nào có sở trường thì cũng có sở đoản, sở trường ở đâu thì sở đoản ở đó.

Lần khác ông lại bảo:

Từ Cao thì kém học thức; Tăng Sâm thì chậm chạp, thật thà; Từ Trương hay chưng diện; Từ Lộ thì thô, không nhã. (Tiên tiến-17).

Đúng lắm. Từ Lộ quả là cương trực tới thô lỗ, không có ý tứ, đôi khi vô lễ nữa, dám tỏ vẻ không phục thầy.

Lần đó ông đến nước Vệ, vợ vua Linh Công nước Vệ là nàng Nam Tử, nổi tiếng là dâm dăng; theo phong tục Vệ, ông phải vào ra mắt nàng. Nàng ngồi sau một bức màn, ông vào, quay mặt về phương Bắc, quì xuống lạy; nàng xá lại hai xá, tiếng vàng tiếng ngọc rổn rảng. Ông bước ra, mừng quá bảo: Tôi không muốn vào yết kiến, bất đắc dĩ phải vậy, nhưng cuộc hội kiến này không có gì trái lẽ.

Vậy mà khi ông về tới nhà trọ, Từ Lộ tỏ vẻ bất bình, khiến ông phải thề độc: "Ta mà có làm điều gì chẳng phải thì Trời hại ta, Trời hại ta!" (*Dư sở phủ giả, Thiên yếm chi! Thiên yếm chi!* - Ung dã-26).

Lần khác, Phất Nhiều, họ Công Sơn là gia thần họ Quý, làm phản, chiếm đất của chủ, rồi sai người đến mời Khổng tử. Ông muốn đi. Tử Lộ tỏ vẻ bất bình, can:

- Không có nơi nào hành đạo được thì thôi, đến với họ Công Sơn làm gì!

Ông đáp:

- Người ta với mình tới, đâu phải là vô cơ. Nếu có người biết dùng ta thì ta sẽ dựng một nước Chu ở phương Đông được chứ." (Dương hóa-5), nghĩa là một nước ở Lỗ, để thay nhà Chu, làm thiên tử. (Lỗ ở phương Đông).

Ông nhiệt tâm muốn cứu đời quá, lần đó quả là tính sai. Tử Lộ can ông là phải. Và ông nghe, không đi nữa.

Lần sau, Phất Bật, một quan đại phu nước Tấn, cai quản ấp Trung Mâu của họ Triệu, cũng phản chủ, rồi cũng sai người mời ông tới. Ông cũng muốn đi nữa. Tử Lộ lại can:

- Xưa kia Do (tên Tử Lộ) nghe thầy dạy: Người quân tử không vào bè với kẻ làm bậy. Nay Phất Bật chiếm đất Trung Mâu làm phản, mà thầy muốn qua với nó là nghĩa làm sao?

Khổng tử đáp:

-Phải, ta có nói như vậy. Nhưng ta chẳng thường nói câu này nữa ư: "Chỉ sợ không thật cứng, nếu thật cứng thì mài cũng không mòn; chỉ sợ không thật trắng, nếu thật trắng thì nhuộm chàm cũng chẳng đen." Ta há như cái bầu, chỉ treo thôi chứ không ăn được sao?" (Dương-hóa-7)

Thái độ của Khổng tử là "vô khả, vô bất khả"; nhưng rồi nghe lời can của Tử Lộ mà không đi.

Không một môn đồ nào trực ngôn với ông như Tử Lộ. Chắc ông hiểu như vậy là Tử Lộ yêu quý ông lắm; cho nên ông cũng mến Tử Lộ, khen là người có nhiệt tâm, trung tín, hễ hứa với ai điều gì thì làm ngay, không chần chờ (Nhan Uyên-12), và có lần ông nói đùa với Tử Lộ nữa:

-Đạo thầy mà không thi hành được, thầy sẽ thả cái bè, lênh đênh trên mặt biển, lúc đó theo thầy có lẽ chỉ có anh Do chăng?

Tử Lộ tưởng thật, mừng lắm. Ông liền nói thêm:

* Có sách giảng là: chỉ treo thôi, chứ có miệng mà không ăn sao?

-Anh dũng cảm hơn ta, nhưng thiếu óc phán đoán (Công Dã Tràng-6).

Ông "hiền" đó - vì Tử Lộ ở trong *thất thập nhị hiền* - có lần được một lời khen của thầy thì vui như con nít được kẹo. Khổng tử bảo:

- Anh Do mặc áo xấu rách đen, đứng cạnh bên người mặc áo tốt bằng da con hồ con lạc mà không lấy làm thẹn, đúng như lời kinh Thi: "chẳng ố kị, chẳng tham lam, thì làm việc gì mà chẳng tốt?" Tử Lộ khoái quá, ngẫm đi ngẫm lại câu đó, e đến trọn đời; Khổng tử phải răn thêm :

- Chẳng ố kị, chẳng tham lam, bấy nhiêu đâu đã đủ là tốt. (Tử hân - 25).

Tử Cống cũng là một môn sinh rất thân, nhưng trái hẳn với Nhan Hồi, thích làm giàu, thích buôn bán, có tính khoe khoang, một lần tự hào rằng: "Việc gì tôi không muốn người khác làm cho tôi thì tôi cũng không làm cho người khác." Như vậy là tự cho mình đã đạt được đức thứ, đức nhân. Khổng tử liền chặn lại:

- Này Tử, anh chưa đạt được mức đó đâu. (Công Dã Tràng - 11).

Hay xét người, Tử Cống lại còn muốn được ông khen nữa, hỏi:

- Thầy thấy con là người thế nào?

Ông hạ một câu, chắc Tử Cống không được vui lắm:

- Anh như một món đồ (nghĩa là chỉ dùng được vào một việc mà thôi).

Tử Cống hỏi tiếp:

- Thưa món đồ gì?

- Cái hồ liễn.

Hồ liễn là một thứ bát hay liễn đựng xôi để cúng tế ở tôn miếu. Ông nén xuống rồi lại khen để Tử Cống khỏi buồn (Công Dã Tràng - 3).

Con người đó thông minh, lanh trí, có thể tế nhị nữa.

Lần đó Khổng tử đương ở nước Vệ mà vua Vệ bất hiếu, cướp ngôi của cha trong khi cha tị loạn ở nước ngoài; rồi khi cha về, đem quân ra cự cha. Nhiệm Hữu không hiểu thái độ Khổng tử ra sao, hỏi Tử Cống: "Thầy có vị vua Vệ không?" Tử Cống đáp: "Ừ, chính tôi cũng định hỏi thầy về việc ấy."

Rồi Tử Cống vào hỏi, nhưng không hỏi thẳng về vua Vệ, như vậy Khổng tử sẽ khó trả lời: theo đạo lí thì không thể bênh vực vua Vệ được, mà theo phép xử thế, đương làm khách ở Vệ thì không nên bài xích vua Vệ. Cho nên Tử Cống đem việc Bá Di, Thúc Tề ra hỏi.

Bá Di, Thúc Tề là hai anh em ruột, con vua nước Cô Trúc ở cuối đời Thương, đầu đời Chu. Bá Di là anh cả, Thúc Tề là em út. Vua Cô Trúc yêu Thúc Tề, lập di mệnh cho Thúc Tề nối ngôi. Quốc dân theo di mệnh lập Thúc Tề, Thúc Tề không chịu, nhường lại Bá Di cho phải lẽ. Bá Di cũng không chịu, nhường lại cho Thúc Tề để tuân lệnh cha. Không ai chịu nhận rồi trốn cả vào núi, quốc dân phải lập người con giữa.

Vậy hai người đó lấy nghĩa làm trọng, trái hẳn với vua nước Vệ. Nếu Khổng tử khen Bá Di, Thúc Tề tức là chê vua Vệ rồi. Tử Cống nghĩ vậy rồi vào hỏi:

- Thưa thầy, Bá Di, Thúc Tề là người ra sao?

Đáp:

- Là người hiền đời xưa.

Tử Cống hỏi thêm:

- Hai ông ấy sau khi nhường ngôi, trốn vào núi, có ân hận gì không?

- Hai ông ấy cầu được vẹn chữ nhân, và đã làm được điều nhân thì còn ân hận gì nữa?

Thầy khen Bá Di, Thúc Tề, Tử Cống trở ra đáp Nhiệm Hữu:

- Không, thầy chẳng vị vua Vệ đâu.

Quả nhiên, sau Khống tử dất môn đồ bỏ nước Vệ mà đi. Truyện đó chép trong chương Thuật nhi, bài 14.

Nhưng hình như Tử Cống có hơi nóng lòng muốn thầy trở ra làm quan, nên hỏi thầy:

- Có thứ ngọc đẹp thì nên cất trong hộp, hay là nên cầu cho được giá mà bán đi?

Khống tử đáp:

- Bán đi chứ! Bán đi chứ! Ta đợi giá đây. (Tử hãn - 12)

Lời đó là lời nói đùa. Nhưng có thể hiểu rằng Khống tử vẫn mong có một ông vua biết trọng dụng mình; và bài 13 kể bài đó,

chép rằng có lần ông chán nản muốn bỏ Hoa Hạ mà ra miền đông ở với chín rợ Di (có lẽ là Triều Tiên ngày nay).

Như vậy ta thấy Tử Cống cũng ngay thẳng, được Khổng tử mến. Chính Tử Cống tự xét mình là "ghét kẻ dò xét hành vi của người khác mà tưởng như vậy là trí (khôn); ghét kẻ thiếu khiêm tốn mà tự cho mình là dũng; ghét kẻ công kích người mà tưởng như vậy là ngay thẳng" (Dương hóa - 23).

Tử Cống có tính hay so sánh người này với người kia. Một lần đã hỏi thầy (Tiên tiến - 15):

-Anh Sư (Tử Trương) và anh Thương (Tử Hạ), hai anh đó, ai hơn ai?

Ông đáp:

-Sư thì thái quá, Thương thì bất cập. Tử Cống vẫn chưa thỏa mãn, vì Khổng tử vẫn chưa trả lời dứt khoát câu hỏi của mình:

- Vậy thì anh Sư hơn chăng?

- Thái quá cũng như bất cập.

Câu đáp đó cho ta thấy Khổng tử chủ trương trung dung: trong việc học tập, tu thân, thái quá thì dễ mất kiên nhẫn, mà bất cập thì khó mà tiến được.

Chắc Tử Cống chẳng những thường gọi chuyện để Khổng tử so sánh các môn đệ khác, mà còn nhiều khi khen người này, chê người nọ, cho nên ông phải ngăn lại:

-Anh Tử hiền (có đức cao) nhỉ! Thầy thì tự xét mình để sửa lỗi mà không xong, có đâu rảnh mà xét người. (Hiển vấn - 31)

Lời mỉa mai nhẹ nhàng mà thấm thía, có lẽ chỉ có cách đó mới sửa được tật cho Tử Cống.

Lần khác ông mỉa Tử Du, nhưng không phải là trách, chỉ là nói đùa. Nguyên Tử Du cai trị Võ Thành, một ấp ở Lỗ. Tử Du theo đúng chính sách của ông, dùng lễ nhạc để trị dân, dân trong ấp đều tập đàn ca. Một hôm đi ngang qua đó, thấy tiếng đàn ca ở trong nhà dân đưa ra, ông bảo Tử Du:

- Giết gà đâu cần dùng đến dao để mổ trâu. Tử Du đáp:

- Trước con nghe thầy dạy: "Người quân tử học đạo thì yêu người, kẻ tiểu nhân học đạo thì dễ khiến."

Quân tử ở đây trở hạng cầm quyền, tiểu nhân trở người dân. Ý Tử Du muốn nói, nước lớn hay ấp nhỏ thì cũng phải dạy cho dân học lễ nhạc.

Khổng tử nhận là đúng, quay lại nói với các môn sinh:

- Nay các con, lời anh Yến (Tử Du) đúng đấy. Lời ta nói trước là đùa đấy thôi. (Dương hóa-4)

Trong số các môn đệ, Trọng Cung (tên là Ung) không vào hàng xuất sắc nhất, nhưng riêng được ông khen là có đức độ một ông vua (*Ung dã, khả sư nam diện* - Ung dã - 1). Trọng Cung nói được một câu ông rất khen: "Tự mình ăn ở thì cung kính, mà trị dân thì thi hành những phép giản tiện - "*cư kính, hành giản*" như vậy mới là phải chăng? Còn như tự mình cư xử lại xuề xòa, trị dân cũng xuề xòa ư? thì chẳng là quá xuề xòa ư?" Bốn chữ "*cư kính hành giản*" thành bất hủ, tóm tắt được phép cư xử của nhà cầm quyền theo quan niệm nhà Nho.

Nhưng có một môn sinh trẻ ông ít trò chuyện, hình như không nhận định đúng giá trị, không ngờ rằng sau này truyền được đạo của ông. Môn sinh đó là Tăng Sâm (con của Tăng Tích tôi đã có dịp nhắc ở trên), rất có hiếu, khiêm tốn, đôn hậu, ít nói, mà ông chê là "lố" (Tiên tiến-17) tức chậm chạp, gần như ngu đần. Tôi cho rằng, khi ông chỉ nói "*ngô đạo nhất dĩ quán chi*" (Đạo ta chỉ có một lẽ mà quán thông tất cả), mà Tăng Sâm hiểu được lẽ đó là lẽ trung thứ, (Lí nhân-15-*Phu tử chi đạo, trung thứ*

nhi dĩ hi) thì quả là một đệ tử xuất sắc, hiểu thấu được tư tưởng của thầy, vượt Tử Lộ, Tử Cống, chưa chắc Nhan Hồi đã hơn được.

Trong Luận ngữ có khoảng mười bài chép lời Tăng Sâm, bài nào cũng tỏ ông là một hiền triết, như bài Học nhi-4: Mỗi ngày tôi tự xét ba điều này: giúp ai có hết lòng không, giao du với bạn có giữ được đức tín không, có học tập điều thầy dạy cho không; hoặc như bài Nhan Uyên-23: Người quân tử nhờ văn chương học vấn mà hội họp bạn bè và nhờ bạn bè mà tiến lên đức nhân.

Khổng tử yêu quý một số môn sinh, tới cái mức một người tên là Công Dã Tràng, mặc dầu bị bắt giam, mà ông cũng đem con gái gả cho, vì ông biết rằng bị bắt oan (Công Dã Tràng-1).

Ông lại đem con gái người anh gả cho một môn sinh khác, Nam Dung, vì ông thấy Nam Dung đọc đi đọc lại bài thơ Bạch Khuê trong kinh Thi,^{*} biết Nam Dung thận trọng về ngôn hạnh, (Tiên tiến-5), biết giữ mình dù nước yên trị hay loạn lạc (Công Dã Tràng-1).

* Đại ý của bài thơ đó : Chỗ tỳ vết của viên ngọc khuê trắng có thể mài mà bỏ đi được, chứ chỗ xấu xa trong lời nói thì không sao sửa lại được. Cũng như câu : Nhất ngôn kí xuất, tứ mã nan truy.

Và khi Nhiễm Canh tự là Bá Ngưu mắc một bệnh nan y (tiên nho cho là bệnh cùi), ông đứng ngoài cửa sổ, cầm tay Bá Ngưu mà than:

- Con khó sống được, chẳng qua là số mạng. Ôi! con người như vậy mà phải mang cái bệnh như vậy! Con người như vậy mà phải mang cái bệnh như vậy ! (Ung dã-8).

Tóm lại ông tận tâm săn sóc từng môn sinh một, tùy khả năng từng người mà dìu dắt, khuyến khích, lúc nào cần thì rất nghiêm, bình thường thì hòa nhã, vui tính, chuyện trò với họ, không chút cách biệt, chấp nhận được lời trách của họ nữa - điều này ít ai kịp được ông - và yêu một số môn sinh hơn cả con ông. Cho nên họ tuy kính ông, sợ ông mà không tới nỗi nhút nhát, có điều gì thắc mắc thì tự nhiên, thẳng thắn hỏi, và ông thẳng thắn trả lời một cách cũng rất tự nhiên, khiến đôi khi tư tưởng của ông có vẻ như mâu thuẫn.

Lớp học của ông đúng là lớp học của một triết nhân: thầy trò cùng bàn luận với nhau để tìm đạo chứ không phải lớp học của một triết gia đem thuyết của mình ra mà bênh vực, để đả thuyết của người khác, như lớp học của Mặc tử chẳng hạn.

Tôi thích tưởng tượng ông ngồi ở dưới hiên một buổi chiều đẹp gảy từng tưng cây đàn cầm hay cây đàn sắt, có khi cao hứng hát lên một điệu nữa, còn Nhan Hồi, Tử Lộ, Tử Cống, Mãn Tử Khiên... thì ngồi mỗi người một nơi, chăm chăm nhìn nét mặt ông, lắng tai nghe mà mỉm cười.

Hoặc khi thầy trò lang thang ở Trần, ở Thái, ngồi nghỉ trên một bờ suối, dưới bóng mát, môn sinh kẻ đi nấu ăn, người đi giặt áo cho ông, ăn xong rồi người ngâm thơ, người gảy đàn, rồi thỉnh linh ông bảo họ:

- Các con kể ý chí của mình cho thầy nghe nào. Tử Lộ thì mong có xe để đi, có ngựa để cưỡi, có áo lông cừu mịn để mặc, và chia xẻ cho bạn. Nhan Uyên khiêm tốn, chỉ mong không khoe khoang những điều thiện của mình (Công Dã Tràng - 25), Tử Cống thì mong buôn bán để làm giàu, Tử Du mong cai trị một ấp nhỏ mà thực hiện được đạo của thầy. Họ đáp xong rồi, Tử Lộ hỏi lại ông:

- Chúng con xin được nghe chỉ nguyện của thầy.

Ông đáp:

- Thày muốn cho người già cả được an vui, bạn bè tin nhau, còn bọn trẻ được nuôi nấng dạy dỗ.* (Công Dã Tràng-25)

Nghĩa là ông mong xã hội bình trị, mọi người đủ ăn, thân ái với nhau, trẻ con được âu yếm. Thật là bình dị, mà tới nay, non hai ngàn rưỡi năm rồi, có mấy ai thực hiện được. Có sống vào thời này, thấy những ông già bảy chục tuổi phải làm chạt vật để mưu mang con cháu làm quân nhân hay công chức, thấy những đứa trẻ "bụi đời" lang thang ở vỉa hè Sài Gòn vì không nơi nương tựa, chúng ta mới cảm thấy tất cả sự thâm thúy của lời Khổng tử.

*

Tính tình, tư cách, tư tưởng của ông như vậy cho nên môn đệ ngưỡng mộ ông vô cùng. Ở trên tôi đã dẫn lời của Nhan Hồi thán phục ông. Dưới đây tôi xin dẫn thêm mấy lời của Tử Cống nữa.

* Có sách giảng là: người già được yên lòng vì ta, bạn bè tin ở ta, trẻ được an ủi ta.

Tử Cống làm quan ở nước Lỗ, nước Vệ, khéo kinh doanh, lại có tài biện thuyết, cho nên được Thúc tôn Võ Thúc, một đại phu nước Lỗ khen là tài giỏi, hiền đức hơn Khổng tử. Có người kể lại lời cho Tử Cống hay. Tử Cống bảo: - Thúc tôn Võ Thúc nói vậy. Lấy vách tường cung thất ra làm thí dụ. Bức tường của tôi chỉ cao tới vai người, nên đứng ngoài tường trông vào người ta có thể thấy đồ vật tốt đẹp ở bên trong; còn vách tường của thầy tôi cao mấy nhẫn*, nếu không được vào, chỉ đứng ngoài tường thì không thấy được những đồ hoa mỹ trong tôn miếu, những đồ trang sức của bá quan. (Tử Trương-23).

Lần khác cũng Võ Thúc chê Khổng tử. Tử Cống đáp:

- Không ai có thể hủy báng được thầy tôi. Đức của người khác chỉ như cái gò, cái nong; đức của thầy tôi cao xa như mặt trời, mặt trăng, không ai vượt qua được. (Tử Trương - 24).

Một người nữa, Trần Tử Cầm (có sách nói là môn đệ Khổng tử, có sách nói là môn đệ Tử Cống, nhưng không dẫn chứng) cũng

* Mỗi nhẫn là tám thước thời đó.

phục Tử Cống lăm cho rằng Không tử không hơn gì Tử Cống. Tử Cống mắng liền:

- Người quân tử nói một lời được người ta khen là khôn, nói một lời bị người chê là ngu, cho nên lời nói không thể không thận trọng. Thầy chúng ta không ai có thể theo kịp, cũng như trời, không ai bắc thang mà lên tới được. (Tử Trượng-25).

Trong lịch sử nhân loại, tôi không thấy một nhà giáo nào được học trò ca tụng như Khổng tử. Mà cũng không có nhà giáo nào được học trò thương tiếc như ông.

Chương 6

VẠN THẾ SU BIỂU

Năm-480, trong một cuộc đảo chánh ở Vệ, Tử Lộ vì hiếu dũng, chống với phe đảo chánh, nên bị bắt đả kích tử, đúng như lời tiên đoán của Khổng tử. Từ đó Khổng tử đau yếu lần.

Bá Ngự, tức Khổng Lí và Nhan Hồi chết cả rồi. Các môn sinh thân nhất của ông chắc chỉ còn ít người.

Qua năm sau, một hôm Tử Cống tới thăm ông, thấy ông chống gậy, dạo bước ở trước cửa. Thấy Tử Cống, ông ngừng đầu lên, bảo:

- Tử, sao anh tới trễ vậy?

Rồi ông thở dài, hát:

*Núi Thái Sơn sắp sụp,
Cây thượng lương sắp đổ,
Bậc triết nhân sắp mất!*

Ông rút nước mắt, nói với Tử Cống:

- Thiên hạ loạn từ lâu mà không một ông vua nào chịu theo lời khuyên của thầy. Thầy sắp đi đây.

Bảy ngày sau, ông mất ở Lỗ, vào tháng tư năm thứ 16 đời vua Ai Công nước Lỗ (-479), hưởng thọ 73 tuổi (tính theo Tây là 72).

Vua quan nước Lỗ và môn đồ làm lễ táng ông rất trọng hậu. Ai Công gửi lời điếu; có câu: "Trời không thương quả nhân, mới cướp của quả nhân bậc hiền nhân đó đi. Quả nhân nay cô độc mà lại bệnh tật, một mình trị nước, không được ai giúp đỡ. Lòng quả nhân thật đau xót!"

Tử Cống trách:

- Lúc phu tử sống thì nhà vua không dùng, bây giờ phu tử mất thì nhà vua gửi lời điếu!

Người ta mai táng Khổng tử ở trên bờ con sông Tứ, phía bắc kinh thành nước Lỗ, hiện nay ở huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.

Môn đồ để tang ba năm, mãn tang họ họp nhau một lần cuối cùng ở trước mộ để khóc ông rồi mới chia tay nhau mỗi người đi

mỗi nơi. Tâm trạng họ lúc đó ra sao? Chắc họ đau lòng hơn là từ biệt gia đình họ. Riêng Tử Cống còn ở lại trong một căn nhà lá để giữ mộ cho thầy thêm ba năm nữa. Khi Tử Cống đi rồi, không khí bên mộ cũng không lạnh lẽo vì trên trăm gia đình lần lần đến cất nhà ở gần mộ, họp thành một làng gọi là Khổng Lí. Khu đất chôn ông rộng trăm mẫu-mỗi mẫu hồi đó có khoảng 660 mét vuông - giữa cất một ngôi miếu để thờ ông và bảo tồn y phục, đồ dùng, đàn sách, xe của ông.

Ông chỉ có mỗi một người con trai, cậu Lí, tư cách trung bình. Nhưng Lí sinh được một người con có tài đức, tên là Cấp, tự là Tử Tư, tác giả cuốn *Trung Dung*, diễn được một phần thâm thúy trong tư tưởng của ông.

Bọn môn sinh khi từ biệt nhau rồi, đi khắp nước truyền bá đạo của thầy. Một số như Tăng Sâm, Tử Hạ, Tử Trương, Trọng Cung... theo gót thầy, mang theo một bản các kinh của ông để mở trường dạy học do đó mà tư tưởng trong lục kinh lần lần nhiễm sâu vào tâm hồn dân tộc Trung Hoa. Trong số môn sinh đó, Tăng Sâm có công nhất nhờ viết cuốn *Đại học* và cuốn *Hiếu kinh*, điều đó, hồi còn sống, Khổng tử chắc không ngờ được.

Những người con làm vẻ vang cho gia đình, hồi trẻ thường ít được cha mẹ lưu ý tới.

Tăng Tử đã nắm được cái lí nhất quán-là trung thứ-của thầy, trong chương đầu Đại học lại vạch được mục đích của đạo Khổng và bắc cho ta chiếc thang để leo lên.

Chương đó ai cũng biết, nhưng tôi cũng xin chép lại dưới đây một đoạn vì nó quan trọng đối với Khổng giáo cũng như thuyết bát chánh đối với Phật giáo.

"Đời xưa muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình; muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình; muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tinh thành cái ý của mình; muốn làm cho tinh thành cái ý của mình thì trước hết phải có tri thức xác đáng. Tri thức xác đáng ở chỗ xét kĩ mọi vật."

Phật khuyên phải chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tiến, chánh định thì đại khái cũng như Khổng nói phải chánh tâm, thành ý, trí tri.

Một số môn sinh khác ra làm quan để ráng thi hành đạo của thầy về chính trị, mặc dầu không thực hiện được gì lớn lao, không được các vua chúa nghe nhưng vẫn được họ trọng, và chủ trương "lấy đức trị dân" thành một lí tưởng chính trị, tuy cuối thời Chiến quốc bị bọn pháp gia Hàn Phi cho là sai, nguy hại, nhưng từ đời Hán trở đi lại được đề cao, dù chỉ là đề cao ngoài miệng.

Lần lần, những lời Khổng tử, khuyên bảo, khen mắng, hay đàm đạo với môn sinh được họ coi là châm ngôn, tới nỗi trước khi bàn về một vấn đề gì, họ cũng bắt đầu bằng hai chữ "Tử viết" (Thầy dạy rằng), cũng như trước kia, người ta bắt đầu bằng hai chữ "*Thi vân*" (Kinh Thi có câu). Một số môn đệ chép những lời đó lại truyền cho học trò, con cháu, rồi trong bọn này có người gom lại thành bộ *Luận ngữ*.

Non bốn trăm năm sau khi ông mất, Tư Mã Thiên chép lại đời ông mà vô cùng xúc động:

"Tôi đọc sách Khổng tử, tưởng tượng hình dáng, tư cách của ngài. Rồi khi tới nước Lỗ, tôi nhìn xe, áo, lễ khí trong miếu của ngài, nhận xét các môn sinh học lễ ở nhà ngài, mà lưu luyến không muốn rời chân. Các quân vương, hiền nhân trong thiên hạ không phải là ít, còn sống là vinh quang, chết

rồi là hết. Duy có Khổng tử là người áo vải, tới nay đã trên mười đời, vẫn được các nhà học giả (trò các nhà Nho) tôn sùng. Ở Trung Quốc, từ bậc thiên tử vương hầu trở xuống, hễ bàn tới lục nghệ (tức lục kinh) đều lấy ngài làm tiêu chuẩn. Ngài thật đáng là bậc chí thánh."

Ở thời đó, Tư Mã Thiên chưa nhận định được hết ảnh hưởng vĩ đại của Khổng tử. Ngoài cái công mở truyền thống dạy tư, bình dân hóa giáo dục, chính trị hóa giáo dục, đạo đức hóa chính trị, gây phong trào thầy trò cùng nhau đi du thuyết các nước chư hầu, nêu gương trứ thư lập ngôn cho người sau, như tôi đã trình bày ở trên, Khổng tử còn tạo được cho Trung Quốc một giai cấp mới, gọi là kẻ sĩ. Trước ông, đã có một số người tài giỏi trong giai cấp bình dân nhảy lên được những địa vị cao, như Bách Lí Hề, Quán Trọng, Ninh Thích ..., nhưng từ ông trở đi, số kẻ sĩ đó mới mỗi ngày một đông, cuối thời Chiến quốc họ thành một giai cấp có thế lực mạnh và qua đời Hán thì họ hoàn toàn thắng giai cấp quý tộc trong các địa vị quan trọng ở triều đình.

Phần tinh hoa trong giai cấp đó, giữ được tinh thần của Khổng tử, liêm khiết, cương trực, "*bang hữu đạo tác hiện*", ra làm quan giúp đời, "*bang vô đạo tác ẩn*"*, lui về vườn dạy học, cố giữ tiết tháo của người quân tử, thành một giới đặc biệt không có tại một nền văn minh nào khác trên thế giới, tức giới sĩ phu, cao quý mà vẫn bình dân, nghèo mà được trọng hơn vua chúa, không có một đặc quyền mà uy tín rất lớn trong dân gian, không có tổ chức mà lại chặt chẽ, trường tồn hơn tất cả các giai cấp khác, nửa thế kỉ trước vẫn còn ở Việt Nam. Tôi bồi hồi nhớ lại lớp học của một cụ đồ Nho vô danh, bác tôi, tại một làng hẻo lánh ở Sơn Tây, làng Phương Khê, cách đây mới trên bốn mươi năm. Không khí trong lớp học của cụ chính là không khí trong lớp của Khổng tử tôi đã tả trong một đoạn trên; môn sinh cũng vừa kính, vừa yêu cụ, thầy trò cũng thân mật với nhau như thầy trò Khổng tử. Tại sao cách hai mươi bốn thế kỉ mà lại giống nhau được như vậy, trong khi bao nhiêu ảnh hưởng khác của Trung Hoa như về âm nhạc, kiến trúc,... thì mỗi ngày một phai? Càng suy nghĩ tôi càng tin rằng chỉ nhờ bộ *Luận ngữ*: khi các nhà Nho của ta thuộc

* Thái Bá - 14

lòng bộ đó từ hồi trẻ, rồi ngày nào cũng đem ra dạy học suốt ba chục năm, thì tự nhiên thấm nhuần tư tưởng trong đó và bất giác hành động như nhân vật trong đó. Ngoài ra tôi không thấy có lí do nào khác để giảng được nữa. Khổng học ngày nay đã tàn. Chính vì vậy mà tôi muốn tìm hiểu thêm nó, quyển luyện với nó.

Chứ học trong đạo Khổng có nghĩa là tu thân luyện trí để giúp nhà, giúp nước, cho nên có thể bảo bất kì bài nào trong Luận ngữ, cả những bài nói về chính trị, về tư cách người quân tử, đều liên quan đến việc học cả; chép hết tức là dịch trọn bộ Luận ngữ, cho nên ở đây tôi chỉ lựa một số bài trực tiếp xét về việc học thôi.

HỌC NHI 1

學而時習之，不亦說乎？有朋自遠方來，不亦樂乎？人不知而不愠，不亦君子乎？

Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ?

Học mà mỗi buổi mỗi tập, chẳng cũng thích ư? Có những bạn cùng chí hướng, ở xa lại cùng bàn bạc về đạo lí, chẳng cũng vui ư? Nhưng nếu không ai biết tới mình, mình cũng không buồn giận, như vậy mới là quân tử.

HỌC NHI 6

弟子入則孝，出則弟，謹而信，汎愛衆而親仁。行有餘力則以學文。

Đệ tử nhập tác hiếu, xuất tác đễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân. Hành hữu dư lực tác dĩ học văn.

Kẻ đệ tử cư xử thì hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng bậc huynh trưởng, làm việc thì cẩn thận và để cho người ta tin cậy, thương tất cả mọi người mà thân cận với người nhân đức. Được như vậy rồi, nếu còn dư sức thì hãy học lục nghệ.*

HỌC NHI 14

君子食無求飽，居無求安，敏於事而慎於言，就有道而正焉，可謂學也已。

Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị học dã dĩ.

* Nguyên văn là: Học văn.

Người quân tử miễn có ăn, có chỗ ở thì thôi (không cần sướng miệng, sang trọng), siêng năng làm việc, thận trọng lời nói, tìm tới người có đạo đức để noi theo mà sửa mình; được như vậy mới đáng gọi là người ham học.

VI CHÍNH 11

溫故而知新可以爲師矣。

Ôn cố nhi tri tân khả dĩ vi sư hĩ.

Ôn lại những điều cũ mà biết được những điều mới, như vậy có thể làm thầy thiên hạ.

VI CHÍNH 15

學而不思則罔，思而不學則殆。

Học nhi bất tư tắc vông. Tư nhi bất học tắc dãi.

Học mà không suy nghĩ thì không hiểu được gì, suy nghĩ mà không học thì nguy hại.

VI CHÍNH 18

子張學干祿。子曰：多聞闕疑，慎言其餘則寡尤。多聞闕殆，慎行其餘則寡悔。言寡尤，行寡悔，祿在其中矣。

Tử Trương học can lộc. Tử viết: "Đa văn khuyết nghi, thận ngôn kì dư, tác quả ưu; đa văn khuyết dãi, thận hành kì dư, tác quả hối. Ngôn quả ưu, hạnh quả hối, lộc tại kì trung hỉ."*

Tử Trương muốn học để làm quan, có bổng lộc. Khổng tử bảo: "Nên nghe cho nhiều, điều gì còn nghi ngờ thì để đó, đừng nói, còn điều gì đã biết chắc chắn thì cũng thận trọng lời nói, như vậy sẽ ít bị người ta chê trách. Nên thấy cho nhiều, những gì chưa biết rõ thì để đó, đừng làm, còn những điều đã biết rõ thì cũng phải cẩn thận trong việc làm, như vậy sẽ ít phải ăn năn. Lời nói thì ít bị người ta trách, việc làm thì ít phải ăn năn, như vậy tự nhiên sẽ có bổng lộc."

BÁT DẬT 15

·子入太廟，每事問。·

Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn.

Khổng tử vào nhà thái miếu, gặp việc gì cũng hỏi.

* Theo Chu Hi; có sách đọc là hành. Ý nghĩa cũng vậy.

CÔNG DÃ TRÀNG 13

子路有聞，未之能行，唯恐有聞。

Tử Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khùng hữu văn.

Tử Lộ nghe điều gì rồi mà chưa kịp thì hành thì sợ phải nghe thêm điều khác nữa.

CÔNG DÃ TRÀNG 14

子貢問曰：孔文子何以謂之文？子曰：敏而好學，不耻下問，是以謂之文也。

Tử Cống vấn viết: "Khổng Văn tử hà dĩ vị chi Văn?" Tử viết: "Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ vấn, thị dĩ vị chi Văn dã."

Tử Cống hỏi: "Ông Khổng Văn tử sao được đặt tên thụy* là Văn?" Khổng tử đáp: "Ông ấy minh mẫn mà lại ham học, chịu hỏi

* Tên đặt cho một người khi đã chết, tùy theo hành vi lúc sinh tiền của người đó.

người kém hơn mình mà không lấy vậy làm thẹn, cho nên được đặt tên thụy là Văn."

CÔNG DÃ TRÀNG 27

子曰：十室之邑必有忠信如丘者焉，不如丘之好學也。

Từ viết: Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu giả yện, bất như Khâu chi hiếu học dã.

Khổng tử nói: "Trong một ấp có mười nhà tất có người trung tín như Khâu này, nhưng chẳng có ai ham học như Khâu này đâu."

UNG DÃ 2

哀公問：弟子孰爲好學？孔子對曰：有顏回者好學，不遷怒，不二過。不幸短命死矣。今也則亡，未聞好學者也。

Ai Công vấn: "Dệ tử thực vi hiếu học?" Khổng tử đối viết: "Hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá. Bất hạnh đoản mệnh tử hi. Kim dã tác vô, vị văn hiếu học giả dã.

Ai Công hỏi: "Trong số đệ tử của thầy, ai là người ham học?"
Khổng tử đáp: "Có Nhan Hồi ham học, anh ấy không giận lây,

không mắc tới hai lần một lỗi; chẳng may anh ấy chết sớm; nay không còn ai nữa, tôi chưa được nghe nói có ai là người ham học."

UNG DẢ 10

冉求曰：非不說子之道，力不足也。子曰：力不足者，中道而廢。今女畫。

Nhiễm Cầu viết: "Phi bất duyệt tử chi đạo, lực bất túc dã."

Tử viết: "Lực bất túc giả, trung đạo nhi phế. Kim nữ hoạch."

Nhiễm Cầu thưa: "Không phải con không ham đạo của thầy, nhưng sức con không đủ để theo." Khổng tử bảo: "Sức không đủ thì bỏ nửa chừng; còn anh thì vạch sẵn mức đường, tới đó ngừng lại."

UNG-DẢ 18

知之者不如好之者，好之者不如樂之者。

Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu chi giả bất như lạc chi giả.

Biết đạo không bằng ham đạo, ham đạo không bằng vui theo đạo.

UNG DÃ 25

君子博學於文，約之以禮，亦可以弗畔矣夫。

Quân tử bác học u văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phát bần hi phù.

Người quân tử học rộng về lục nghệ, dùng lễ để kèm thúc mình, như vậy cũng có thể khỏi trái đạo.

THUẬT NHI 3

德之不修，學之不講，聞義不能徙，不善不能改，是吾憂也。

Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng徙, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã.

Đức hạnh không trau giồi, học vấn không tinh tường, nghe được điều nghĩa mà không làm theo, có điều chẳng phải mà không sửa đổi, đó là những điều ta lấy làm lo.

THUẬT NHI 8

不憤不啟，不悱不發。舉一隅不以三隅
反，則不復也。

Bất phân, bất khai; bất phi, bất phát. Cử nhất ngung bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã.

Kẻ nào không hăng hái muốn hiểu thì ta không thể giúp cho hiểu được; kẻ nào không rành tỏ ý kiến thì ta không thể giúp cho phát biểu ý kiến được. Ta vén lên cho một góc mà chẳng tự tìm được ba góc kia thì ta không giảng thêm cho nữa.

THUẬT NHI 16

加我數年卒以學易，可以無大過矣。

Gia ngã số niên tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hi.

Nếu trời cho ta sống thêm ít tuổi nữa để ta học thêm đạo Dịch*, thì ta có thể không mắc những lỗi lớn.

THUẬT NHI 21

三人行必有我師焉。擇其善者而從之，
其不善者而改之。

*Tam nhân hành tất hữu ngã sư yên. Trạch kì thiện giả nhi
tòng chi, kì bất thiện giả nhi cải chi.*

* Câu này có sách dịch là "cho ta sống năm chục năm nữa để học thêm đạo Dịch" nhưng các học giả cho là chép lộn chữ "tốt" ra "ngũ thập", nên phải dịch như trên. Nhưng tôi không hiểu một chữ mà sao chép làm thành hai chữ được? mà có làm thì dễ làm ra "lục thập" hơn là "ngũ thập".

Hai người cùng đi đường với mình, thì thế nào cũng có người làm thầy cho mình: người thiện thì mình noi gương, người không thiện thì mình coi đó mà sửa lỗi của mình.

THÁI BÁ 13

三年學不志於穀，不易得也。

Tam niên học bất chí ư cốc, bất dị đắc dã.

Khó thấy được một người học ba năm mà không có ý muốn cầu bổng lộc.

THÁI BÁ 17

學如不及，猶恐失之。

Học như bất cập, do khủng thất chi.

Phải ráng học như sợ không kịp, như sợ mình bỏ lỡ mất.

TỬ HÂN 4

子絕四：毋意，毋必，毋固，毋我。

Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

Khổng tử răn tránh bốn tật này: 1-"vô ý" nghĩa là khi xét việc gì, không đem ý riêng của mình vào mà cứ theo lẽ phải; 2-"vô tất" tức không quyết rằng điều đó tất đúng hoặc việc đó tất làm được; 3-"vô cố", tức không câu nệ, cố chấp; 4- "vô ngã", tức phải quên mình đi, đừng để cái "ta" làm mờ ám.

TỬ HÂN 18

譬如爲山，未成一簣，止吾止也。譬如平地，雖覆一簣，進吾往也。

Thí như vi sơn, vị thành nhất qui, chỉ ngô chỉ dã. Thí như bình địa, tuy phục nhất qui, tiến ngô vãng dã.

Tỉ như đắp núi, chỉ còn một sọt nữa là xong mà ngừng, là tại ta bỏ dở vậy. Tỉ như lấp cái vũng (cho thành đất bằng), ta mới đổ xuống một sọt đất, mà đổ tiếp, là tại ta làm tới vậy.

TỬ HÂN 30

唐棣之華，偏其反而。豈不爾思，寔是遠而。

子曰：未之思也。夫何遠之有？

Dường lệ chi hoa, thiên kì phản nhi. Khởi bất nhi tư, thất thị viễn nhi.

Tử viết: "Vị chi tư dã. Phù hà viễn chi hữu?"

Đọc bốn câu này trong kinh Thi:

Hoa đường lệ kia

Lay động dưới gió

Tôi nhớ ai lắm chứ

Nhưng xa không tới được.

Khổng tử bảo: "Như vậy là chưa thật nhớ, thật nhớ thì đâu có ngại xa."

(Ý nói: chưa thật mộ đạo thì mới không chịu gáng công; nếu thật mộ đạo thì đâu có ngại khó-Nên so sánh bài này với bài Ung dã-10 ở trên).

TIÊN TIẾN 24

子路使子羔爲費宰。子曰：賊士人之子。

子路曰：有民人焉，有社稷焉，何必讀書然後爲學？子曰：是故惡夫佞者。

Tử Lộ sử Tử Cao vi Phí tế. Tử viết: "Tặc phù nhân chi tử."

Tử Lộ viết: "Hữu dân nhân yên, hữu xã tắc yên, hà tất độc thư nhiên hậu vi học?" Tử viết: "Thị cố ố phù nịnh giả."

Tử Lộ (làm gia thần cho họ Quý ở Lỗ) dùng Tử Cao làm quan tế cai trị đất Phí. Khổng tử mắng: "Anh làm hại con người ta" (tức hại dân đất Phí, vì Tử Cao là người không có học). Tử Lộ

thưa: "Cai trị nhân dân, cúng tế thần đất đai, mùa màng, (thì cũng là học); hà tất phải đọc sách rồi mới gọi là học." Khổng tử bảo: "Thế cho nên ta ghét kẻ mồm mép nói càn" (để tự biện hộ cho mình).

TỬ LỘ 5

誦詩三百，授之以政，不達；使於四方，不能專對，雖多，亦奚以爲？

Tụng Thi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt; sử ư tứ phương, bất năng chuyên đối, tuy đa, diệc hề dĩ vi?

Học hết ba trăm bài kinh Thi, được vua giao cho việc trị dân mà không được việc, sai sứ đi bốn phương mà không biết ứng đối, thì tuy học nhiều mà có ích gì đâu?

HIẾN VẤN 25

古之學者爲己，今之學者爲人。

Cổ chi học giả vị kỉ, kim chi học giả vị nhân.

Người đời xưa học vì mình (tức để tu thân), người đời nay học vì người (tức để cho người ta biết tới mình).

VỆ LINH CÔNG 15

不曰如之何，如之何者，吾末如之何也已矣。

Bất viết như chi hà, như chi hà giả, ngô mạt như chi hà dã dĩ hi.

Người nào không tự hỏi: "Phải làm sao? Phải làm sao?" thì ta cũng chẳng có cách nào chỉ bảo cho được.

VỆ LINH CÔNG 30

吾嘗終日不食，終夜不寢以思，無益不如學也。

Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm dĩ tư, vô ích, bất như học dã.

Ta có lần trọn ngày quên ăn và thức trọn đêm để suy nghĩ.
Xét ra thấy vô ích, không bằng học.

VỆ LINH CÔNG 31

君子謀道，不謀食。。。。君子憂道不
憂貧。

*Quân tử mưu đạo, bất mưu thực ... Quân tử ưu đạo, bất ưu
bần.*

Người quân tử mưu cầu về đạo, không mưu cầu về bổng lộc
(...) Người quân tử lo về đạo, không lo nghèo.

QUÍ THỊ 9

生而知之者，上也。學而知之者次也。
困而學之，又其次也。困而不學，民斯為下
矣。

*Sinh nhi tri chi giả, thượng dã. Học nhi tri chi giả, thứ dã.
Khốn nhi học chi, hựu kì thứ dã. Khốn nhi bất học, dân tư vi hạ
hĩ.*

Không ai dạy mà biết được đạo lí là hạng trên cùng; phải học
rồi mới biết được là hạng trung; dốt mà chịu học là bậc thấp; dốt
mà không chịu học là hạng cuối cùng.

QUÍ THỊ 10

君子有九思：視思明，聽思聰，色思
溫，貌思恭，言思忠，事思敬，疑思問，忿
思難，見得思義。

*Quân tử hữu cửu tư: thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn,
mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phẫn tư
nan, kiến đắc tư nghĩa.*

Người quân tử có chín mối xét nét: 1- khi trông phải trông
cho rõ, 2- khi nghe phải lắng tai nghe cho rõ (rõ: nghĩa là phân
biệt được phải trái), 3- sắc diện phải giữ cho ôn hòa, 4- dung mạo
phải cho khiêm cung, 5- nói điều gì thì phải trung thực, 6- làm
điều gì thì phải kính cẩn, 7- có điều gì nghi hoặc thì phải hỏi han

tìm hiểu, 8- khi giận giữ thì phải nghĩ đến hậu quả tai hại sẽ xảy ra, 9- thấy mới lợi thì phải nghĩ đến điều nghĩa.

QUÍ THỊ 13

陳亢問於伯魚曰：子亦有異聞乎？對曰：未也。嘗獨立，鯉趨而過庭。曰：學詩乎？對曰：未也。不學詩無以言。鯉退而學詩。

他日，又獨立，鯉趨而過庭。曰：學禮乎？對曰：未也。不學禮無以立。鯉退而學禮。聞斯二者。

陳亢退而喜曰：問一得三：聞詩，聞禮，又聞君子之遠其子也。

Trần Cang vấn ư Bá Ngư viết: "Tử diệc hữu dị văn hồ?" Đối viết: Vị dã. Thường độc lập, Lí xu nhi quá đình. Viết: Học Thi

hồ? Đối viết: Vị dã. - Bất học Thi vô dĩ ngôn. Lí thoái nhi học Thi.

Tha nhật, hựu độc lập, Lí xu nhi quá đình. Viết: Học Lễ hồ? Đối viết: Vị dã. - Bất học Lễ vô dĩ lập. Lí thoái nhi học Lễ. Văn tư nhị giả.

Trần Cang thoái nhi hỉ viết: "Vấn nhất đác tam: văn Thi, văn Lễ, hựu văn quân tử chi viễn kì từ dã."

Trần Cang hỏi Bá Ngự (con Khổng tử):

- Anh được nghe thầy dạy điều gì lạ không?

Bá Ngự đáp:

- Chưa. Cha tôi lần đó đứng một mình, tôi đi nhanh qua sân.

Cha tôi hỏi tôi: Học (kinh) Thi chưa? Tôi thưa: Chưa. Cha tôi bảo: Không học (kinh) Thi thì không biết ăn nói. Tôi bèn lui vào học (kinh) Thi.

Lần khác cha tôi lại đứng một mình, tôi đi nhanh qua sân.

Cha tôi hỏi: Học (kinh) Lễ chưa? Tôi thưa: Chưa. Cha tôi bảo: Không học (kinh) Lễ thì không vững chí lập thân. Tôi bèn lui vào học (kinh) Lễ.

Trần Cang lui ra, mừng rỡ báo: hỏi một điều mà biết được ba: 1 - phải học Thi, 2 - phải học Lễ, 3 - người quân tử không hay gần con.

DƯƠNG HÓA 8

子曰：由也，女聞六言六蔽矣乎？對曰：未也。一居，吾語女：好仁不好學，其蔽也愚。好知不好學，其蔽也蕩。好信不好學，其蔽也賊。好直不好學，其蔽也絞。好勇不好學，其蔽也亂。好剛不好學，其蔽也狂。

Từ viết: "Do dã, nhữ văn lục ngôn lục tế hỉ hồ?" Đối viết: "Vị dã" - "Cu, ngô ngữ nhữ: Hiếu nhân bất hiếu học, kì tế dã ngu. Hiếu trí bất hiếu học, kì tế dã dăng. Hiếu tín bất hiếu học, kì tế dã tặc. Hiếu trực bất hiếu học, kì tế dã giáo. Hiếu dũng bất hiếu học, kì tế dã loạn. Hiếu cương bất hiếu học, kì tế dã cường."

Khổng tử hỏi Tử Lộ:

-Anh Do này, anh có nghe nói sáu đức tốt bị sáu cái hại che lấp không?

Tử Lộ đáp:

-Thưa thầy chưa..

- Ngồi xuống đây, thầy dạy cho. Người ham điều nhân mà không chịu học hỏi thì bị cái hại là ngu muội; người ham đức trí mà không chịu học hỏi thì bị cái hại là phóng dăng; người trọng đức tín mà không chịu học hỏi thì bị tổn hại (bị lừa gạt); người ưa sự ngay thẳng mà không chịu học hỏi thì hóa ra nóng nảy; người ưa dũng cảm mà không chịu học hỏi thì hóa ra phản loạn; người thích cương quyết mà không chịu học hỏi thì hóa ra cuồng bạo.

Trở lên trên là những lời của Khổng tử (trừ bài Bát dật 15, Công Đá Tràng 13, Tử hán 4). Dưới đây tôi chép thêm ít lời của môn đồ cũng nói về học và cũng rút trong Luận ngữ.

A. LỜI TÂNG TỬ (tức TÂNG SÂM)

HỌC NHI 4

吾日三省吾身：爲人謀而不忠乎？與朋友交而不信乎？傳不習乎？

Ngô nhật tam tỉnh ngô thân: vị nhân mưu nhi bất trung hồ?

Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?

Mỗi ngày tôi xét ba điều này: giúp ai có hết lòng không, giao du với bạn có giữ được đức tín không, có học tập điều thầy dạy cho không.

B. LỜI CỦA TỬ HẠ (tức BỐC THUÔNG)

HỌC NHI 7

賢賢易色，事父母能竭其力，事君能致其身，與朋友交，言而有信，雖曰未學，吾必謂之學矣。

Hiền hiền dịch sắc, sự phụ mẫu năng kiệt kì lực, sự quân năng trí kì thân, dũ bằng hữu giao, ngôn nhi hữu tín, tuy viết vị học, ngô tất vị chi học hỉ.

Người nào biết đối lòng yêu sắc đẹp ra lòng mộ người hiền, thờ cha mẹ thì tận lực, thờ vua thì liêu thân, giao thiệp với bạn bè thì giữ được đức tín, người đó đủ bảo là chưa học (đạo lí) chứ tôi thì cho là đã học rồi.

TỬ TRƯỞNG 5

日知其所亡，月無忘其所能，可謂好學也己矣。

Nhật tri kì sở vô, nguyệt vô vong kì sở năng, khả vị hiếu học dã dĩ hỉ.

Mỗi ngày biết thêm điều mình chưa biết, mỗi tháng không quên những điều mình đã biết, như vậy có thể gọi là ham học.

TỬ TRƯỞNG 6

博學而篤志，切問而近思，仁在其中矣。

Bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư, nhân tại kì trung hi.

Học rộng mà đốc chí, hỏi điều thiết thực mà suy nghĩ đến việc gần*, đạo nhân ở trong đó rồi.

TỬ TRƯỞNG 7

百工居肆以成其事，君子學以致其道。

Bách công cư tứ dĩ thành kì sự, quân tử học dĩ trí kì đạo.

Thợ thuyền thì phải ở trong xưởng mới làm được việc (ý nói mới có đủ phương tiện để làm); người quân tử thì phải học mới thấu được đạo lí.

TỬ TRƯỞNG 12

子游曰：子夏之門人小子，當灑掃應對進退則可矣。抑末也，本之則無。如之何？

* Có sách giảng là: suy từ việc gần ra việc xa

子夏聞之曰：噫言游過矣。君子之道孰先傳焉？孰後倦焉？譬諸草木，區以別矣。君子之道焉可誣也？有始有卒者，其惟聖人乎？

Tử Du viết: "Tử Hạ chi môn nhân tiếu tử, dương sai tảo ứng đối tán thoái tác khả hĩ. Úc mạt dã. Bản chi tác vô. Như chi hà?"

Tử Hạ văn chi viết: "Y! Ngôn Du quá hĩ. Quân tử chi đạo, thực tiên truyền yên? Thực hậu quyện yên? Thí chu thảo mộc, khu dĩ biệt hĩ. Quân tử chi đạo yên khả vu dã? Hữu thủy hữu tốt giả, kì duy thánh nhân hồ?"

Tử Du bảo:

- Học trò của Tử Hạ chỉ làm việc rẩy nước quét tước, ứng đối, tiến lui là được. Đó là cái ngọn (việc nhỏ nhặt), còn cái gốc (đạo lí) thì không có. Như vậy đâu được.

Tử Hạ nghe được, nói:

- Ôi! Tử Du nói sai rồi. Đạo của người quân tử cái gì phải dạy cho trước (nếu không phải cái ngọn?), cái gì phải được gắng sức truyền lại sau cho đến một đời* (nếu không phải là cái gốc?). Trình độ học trò ví như cỏ cây, phân biệt làm nhiều hạng. Đạo dạy học của người quân tử (phải tuần tự) đâu có thể viển vông được? Biết đủ ngọn gốc (quán thông một lẽ), có phải chỉ bậc thánh nhân mới được vậy không? (còn bọn trẻ thì phải tuần tự mà dạy chứ).

TỬ TRƯỞNG 13

仕而優則學，學而優則仕。

Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ.

Làm quan mà thừa sức thì nên học thêm; người học mà còn thừa sức thì nên ra làm quan.

C. LỜI TỬ CỐNG

* Nguyên văn: "Thục hậu quyền yên?" có sách dịch là: "Cái gì phải bỏ lại sau".

TỬ TRƯỞNG 22

衛公孫朝問於子貢曰：仲尼焉學？子貢曰：文武之道未墜於地，在人。賢者識其大者，不賢者識其小者。莫不有文武之道焉？夫子焉不學？而亦何常師之有？

Vệ Công tôn Triều vấn u Tử Cống viết: "Trọng Ni yên học?"

Tử Cống viết: "Văn Vũ chi đạo vị trụy u địa, tại nhân. Hiền giả chí kì đại giả, bất hiền giả chí kì tiểu giả. Mạc bất hữu Văn Vũ chi đạo yên? Phu tử yên bất học? Nhi diệc hà thường sư chi hữu?"

Công tôn Triều (đại phu) nước Vệ hỏi Tử Cống:

- Ông Trọng Ni học với ai?

Tử Cống đáp:

-Đạo vua Văn vua Vũ đời Chu chưa sụp đổ hẳn, vẫn còn ở trong lòng người: người hiền ghi nhớ được phần cao xa, người bất hiền ghi nhớ được phần nhỏ nhặt, không đâu không có đạo vua Văn vua Vũ. Thầy tôi chẳng học ở đó ư? Cần gì phải nhất định học một ông thầy nào?

Mục Lục

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	5
LỜI THƯA TRƯỚC	19
CHƯƠNG I. - Khổng tử là một nhà giáo trước hết	21
CHƯƠNG II. - Cách mạng giáo dục	27
CHƯƠNG III. - Tính tình và tư cách Khổng tử	39
CHƯƠNG IV. - Cách Khổng tử dạy học	49
CHƯƠNG V. - Tình thầy trò	59
CHƯƠNG VI. - Vạn thế sư biểu	93
PHỤ LỤC. - Các bài trong Luận ngữ nói về việc học	101

NHÀ GIÁO HỌ KHỔNG

NGUYỄN HIẾN LÊ

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập: HUỖNH TRUNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225
Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 237-2013/CXB/23-16/THTPHCM ngày 23/2/2013